

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

**Địa chỉ** Số 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**Số điện thoại** (0297) 3863 491

**Website** [www.kigimex.com.vn](http://www.kigimex.com.vn)





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
KIGIMEX**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2018**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**



# “*Âm no cùng Gạo Việt*”





# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG 06

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM 28

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông  
Báo cáo phát triển bền vững

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 46

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến trong năm  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 66

Về các mặt hoạt động của Công ty  
Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## QUẢN TRỊ CÔNG TY 72

Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH 90

Ý kiến kiểm toán viên  
Báo cáo tài chính kiểm toán



01

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



|                             |  |
|-----------------------------|--|
| <b>Tên giao dịch</b>        | CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  |
| <b>Tên tiếng Anh</b>        | KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY   |
| <b>Tên viết tắt</b>         | KIGIMEX  |
| <b>Trụ sở chính</b>         | Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  |
| <b>Vốn điều lệ đăng ký</b>  | 254.300.000.000 đồng   |
| <b>Vốn điều lệ thực góp</b> | 254.300.000.000 đồng   |
| <b>Giấy CNĐKKD</b>          | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018 |
| <b>Điện thoại</b>           | (0297) 3863491   |
| <b>Fax</b>                  | (0297) 3862309   |
| <b>Website</b>              | <a href="http://www.kigimex.com.vn">www.kigimex.com.vn</a>   |
| <b>Mã chứng khoán</b>       | KGM  |

**Logo công ty**







## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1975 -  
1980

Năm 1975, tiền thân của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang là Công ty Xuất nhập cảng Nam Hải thành lập từ năm 1975, trực thuộc Công ty Xuất nhập cảng miền Tây, văn phòng chính đặt tại Cần Thơ.

Năm 1976 Công ty được đổi tên thành Công ty Ngoại thương Kiên Giang trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang.

1981 -  
1987

Năm 1981 Công ty được đổi tên thành Công ty Liên hợp Xuất khẩu Kiên Giang.

Năm 1982 Công ty được đổi tên thành Liên hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Lúc đó, có các Công ty trực thuộc là Công ty Xuất nhập khẩu rau quả, Công ty dầu thực vật, Cửa hàng Kiều hồi, Công ty Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu, Nhà máy đông lạnh khóm, Xí nghiệp đông lạnh Thủy sản Xuất khẩu (XN I), Đội tàu Sông Kiên.

1988 -  
1993

Đến năm 1988, Công ty được đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Năm 1992, UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 542/UB-QĐ ngày 19/08/1992 về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang và hoạt động theo giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số 4081004 do Bộ Thương mại cấp ngày 01/03/1993.



1994 -  
2004

Tháng 04 năm 1994, Công ty Lương thực Kiên Giang sáp nhập vào Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Năm 1995, Tổng Công ty Lương thực miền Nam ra Quyết định số 071/TCT/TCLĐ – QĐ ngày 25/ 11/ 1995 về việc tiếp nhận Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

2005 -  
2016

Ngày 31/5/2005 Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang chuyển đổi sang hình thức công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số: 123/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 20/6/2016 Công ty đã được Tổng Công ty Lương thực miền Nam chấp thuận cho Công ty được tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 27/6/2016 và chính thức chuyển sang công ty cổ phần kể từ ngày 01/7/2016 theo giấy đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp (thay đổi lần thứ 19).

2017 -  
nay

Ngày 14/09/2017, Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là KGM và số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 25.430.000 cổ phiếu.



# Những thành tích trong quá trình hoạt động

Trên 40 năm thành lập và phát triển, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:

- ✧ Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương Lao động hạng III.
- ✧ Thủ tướng Chính phủ tặng Giải Bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ Thi đua.
- ✧ Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại 1.
- ✧ Bộ Công thương xếp hạng trong 10 Doanh nghiệp cả nước dẫn đầu về Xuất khẩu gạo và nhiều năm liền được bình chọn là Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín.
- ✧ Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
- ✧ Bộ Y tế tặng bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động”.
- ✧ Liên hiệp các tổ chức Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam bình chọn Top 100 Thương hiệu Việt.
- ✧ Đạt Cúp Vàng Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam tại các kỳ tổ chức Festival lúa gạo Việt Nam.
- ✧ Đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng Chất lượng.
- ✧ Hàng năm, được Tổng Công ty Lương Thực miền Nam, UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác.
- ✧ Đạt được nhiều danh hiệu, giải thưởng, cờ Thi đua, bằng khen, giấy khen của các tổ chức chính trị - xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.





## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kinh doanh lương thực, xăng dầu, thủy sản, xay xát, bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm,... Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn xi măng.

#### Các mặt hàng gạo



**KiGiMex thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại:**

- Gạo chất lượng cao hạt dài: OM 6976; OM 4218; OM 2571,...
- Gạo thơm: KDM (Khaodakmali); Jasmine; OM 4900, OM 5451,...
- Gạo hạt trung bình: Sóc Miên; OM576 (Hàm Trâu),...
- Gạo thông dụng: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 100% tằm;
- Nếp, tằm, lúa, cám.



**Về bao bì đóng gói:** Đóng gói sản phẩm chuyên nghiệp các loại bao PP hoặc bao ghép màng BOPP, PAPE với các loại kích cỡ khác nhau từ 1 kg đến 50 kg; bao Jumbo theo yêu cầu của khách hàng.



Gạo KDM  
(Khaodakmali)



Gạo Jasmine



Gạo OM 5451

Gạo OM 576  
(Hàm Trâu)



Gạo 5%



Nếp





Cá Cơm tẩm vị đóng hộp

#### KiGiMex kinh doanh mặt hàng cá cơm các loại:

- Cá Cơm sấy khô (đã luộc chín, sấy khô ăn liền):
  - Cá Cơm nguyên con: nhiều kích cỡ, từ 2cm đến 7cm;
  - Cá Cơm thịt (bỏ đầu và xương): nhiều kích cỡ, từ 2cm đến 5cm.
- Cá Mai sấy khô (Cá Mai tách xương sấy khô).
- Cá Cơm tẩm ướp gia vị ăn liền (Cá Cơm tách xương sấy khô, tẩm ướp gia vị, ăn liền).

#### Về bao bì đóng gói:

- Bán buôn: Sản phẩm đóng trong thùng Carton, có 1 lớp PE bên trong, gồm 2 loại thùng 10kg và 14kg cho mỗi loại cá khác nhau.
- Bán lẻ: Cá cơm tẩm gia vị được đóng trong hộp PE, gồm 2 loại hộp 150 gram và 350 gram.

Các mặt hàng thủy sản

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### Ngành hàng xăng, dầu, nhớt

Công ty có 1 tổng kho xăng dầu đặt tại P. An Bình – Tp. Rạch Giá được xây dựng từ năm 2002 với diện tích xây dựng 6.525m<sup>2</sup>, sức chứa hơn 4.500m<sup>3</sup> xăng dầu.

Hệ thống các phương tiện vận chuyển gồm 4 xe bồn với dung tích mỗi xe từ 10.000 lít - 14.000 lít, 2 tàu vận chuyển với tổng sức chứa 850m<sup>3</sup>.

Công ty sẵn sàng cung cấp tận nơi lượng xăng dầu nhớt với giá sỉ cho các Đại lý, tàu biển và các tổ chức cá nhân khác trong và ngoài tỉnh.

Chuyên kinh doanh sỉ và lẻ các mặt hàng: Xăng A83, A92; Dầu DO, KO, FO; Nhớt các loại.

Thị trường kinh doanh: Nội địa trong và ngoài tỉnh.



Ngoài ra, Công ty còn mở các cửa hàng kinh doanh gạo đặt tại một số khu vực trên địa bàn Thành phố Rạch Giá và các huyện của Tỉnh Kiên Giang.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 85 - 87, đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

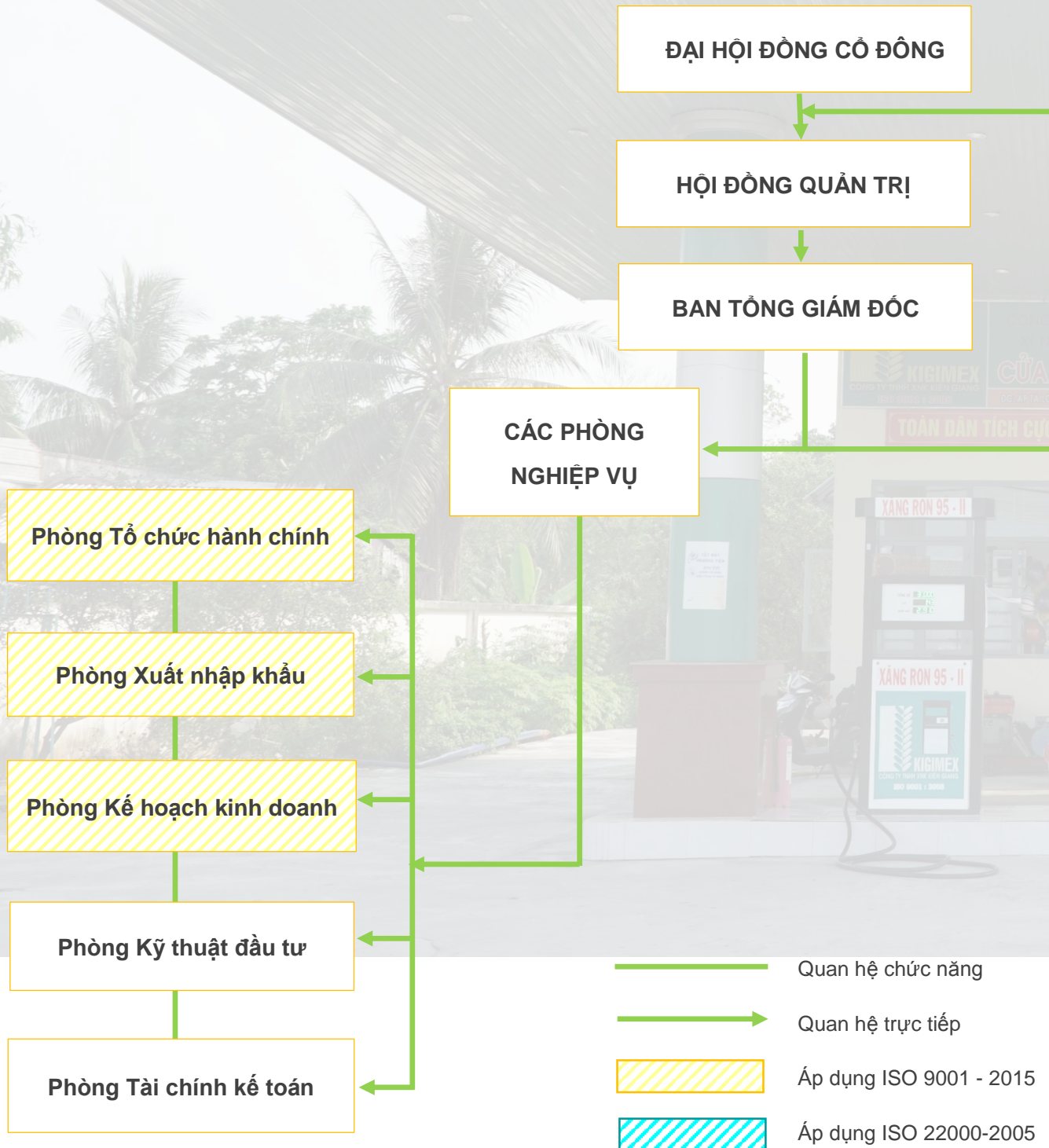
KiGiMex cung cấp cho thị trường trong nước các sản phẩm gạo và cá Cơm sạch, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý, cửa hàng của KiGiMex và mạng lưới các siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc. Ngoài ra, KiGiMex cũng đã xuất khẩu gạo và cá Cơm đến các thị trường như Trung Quốc, Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, châu Á và nhiều quốc gia khác trên thế giới.







# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ



**BAN KIỂM SOÁT**

**CÁC ĐƠN VỊ  
TRỰC THUỘC**

Chi nhánh tại Tp. HCM

XN CBLT XK Tân Phú

XN CBLT XK An Hòa

XN CBLT XK Vĩnh Thắng

XN CBLT XK Thạnh Hưng

XN CBLT XK Sơn Thuận

XN KD Xăng dầu An Bình

XN CB Cá cơm Hòn Chông

**Các Công ty con, Công ty liên kết**

Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có

## Các Đơn vị trực thuộc

Công ty có 08 chi nhánh đang hoạt động gồm:

### 1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu An Bình

- Mã số chi nhánh: 1700100989 – 018
- Địa chỉ: Số 44, đường Ngô Thời Nhiệm, P. An Bình, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

### 2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa

- Mã số chi nhánh: 1700100989 – 019
- Địa chỉ: Số 44, đường Ngô Thời Nhiệm, P. An Bình, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

### 3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng

- Mã số chi nhánh: 1700100989 – 020
- Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

### 4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại TP. Hồ Chí Minh

- Mã số chi nhánh: 1700100989 – 021
- Địa chỉ: Số 65, đường Dương Đình Nghệ, P. 8, Q. 11, Tp. HCM.

### 5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú

- Mã số chi nhánh: 1700100989 - 022
- Địa chỉ: Tập đoàn 4, ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

### 6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến cá Cơm Hòn Chông

- Mã số chi nhánh: 1700100989 - 023
- Địa chỉ: Tổ 4, ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

### 7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng

- Mã chi nhánh: 1700100989 - 024
- Địa chỉ: Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

### 8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận

- Mã số chi nhánh: 1700100989 - 028
- Địa chỉ: Tổ 1, ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.







## **MỤC TIÊU CHỦ YẾU**

- Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, đa dạng hóa cơ cấu cổ đông, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

## **CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN**

- Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường.
- Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp.
- Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận.
- Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.
- Cùng với các tổ chức Đảng, đoàn thể chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng để đưa Công ty từng bước vững mạnh hơn.

***Chất lượng – Uy tín – An toàn – Hiệu quả***

# MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

KiGiMex chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

## Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.

## Cam kết thực hiện

- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- Quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội,...
- Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- Đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải (khí và nước) chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Tích cực hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện tại địa phương, đóng góp vì Trường Sa, Hoàng Sa,...

**“Ấm no cùng Gạo Việt”**



Là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh với hoạt động chủ lực là xuất khẩu gạo, KGM luôn chịu tác động bởi tình hình kinh tế chung của cả nước. Năm 2018 GDP nước ta đạt 7,08%, là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48%. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng khá, xuất khẩu và tiêu dùng có xu hướng tăng là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế Việt Nam trong năm 2019.

Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu gạo và cá cơm của KGM chịu tác động bởi cung – cầu thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu của Công ty như Ghana, Trung Quốc,.... Ngoài ra, các chính sách nhập khẩu cũng như quan hệ thương mại giữa các nước này với Việt Nam cũng ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của KGM.

Từ tháng 07/2018, Trung Quốc chính thức tăng thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch với gạo nếp từ 5% lên 50%, bên cạnh đó còn thực hiện tăng cường kiểm soát chất lượng gạo nhập khẩu. Trong khi đó, Trung Quốc gần như là thị trường độc quyền tiêu thụ gạo nếp của Việt Nam trong những năm gần đây. Điều này sẽ ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu gạo nếp của các doanh nghiệp Việt nói chung cũng như KGM nói riêng. Ngoài ra, doanh nghiệp muốn tiếp cận thị trường Trung Quốc phải nâng cao chất lượng gạo để đáp ứng các yêu cầu mới và khắc khe hơn của thị trường này.

Mặt khác, trong thời gian tới, khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực, nhiều mặt hàng Việt Nam xuất khẩu vào các nước CPTPP sẽ được áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, trong đó có gạo, thủy sản, từ đó tạo điều kiện cho Công ty tăng cường hoạt động xuất khẩu gạo, cá cơm chế biến vào thị trường các nước đối tác. Ngoài ra, trong tháng 11/2018 đã diễn ra “Diễn đàn xúc tiến thương mại và đầu tư Việt Nam – Ghana” do Đại sứ quán, Thương vụ Việt Nam tại Nigeria, kiêm nhiệm Ghana, phối hợp với Phòng Thương mại – Công nghiệp quốc gia Ghana chủ trì, nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Ghana. Với đặc điểm là thị trường tiêu thụ gạo lớn của KGM, việc Ghana tham gia hoạt động xúc tiến thương mại này hứa hẹn sẽ mở ra một con đường thông thoáng hơn cho hoạt động xuất khẩu gạo của KGM.

Hiện nay, tỉnh Kiên Giang đang tích cực cải thiện môi trường kinh doanh nhằm thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển du lịch, nông nghiệp, công nghiệp, hệ thống hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, giao thông. Do vậy KGM đã tiến hành chuẩn bị cả về nhân lực lẫn vật lực để có thể kịp thời nắm lấy cơ hội đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh, duy trì và nâng cao vị thế trong ngành.

## RỦI RO VỀ KINH TẾ



## RỦI RO VỀ TỶ GIÁ



Hoạt động chủ lực của KGM là xuất khẩu gạo và cá cơm, vì vậy yếu tố tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong năm qua, sự tăng trưởng ấn tượng của kinh tế Mỹ cùng với việc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) nâng lãi suất cơ bản lên 2,50% vào lần tăng thứ 4 trong năm đã giúp cho đồng USD tăng giá tương đối mạnh trên thị trường thế giới. Điều này tạo ra sức ép tăng tỷ giá giữa đồng VND và đồng USD. Dù vậy, tỷ giá VND/USD vẫn duy trì được sự ổn định nhờ vào nhiều yếu tố thuận lợi. Trong đó, sự hỗ trợ lớn nhất đến từ việc Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, phối hợp đồng bộ các biện pháp, công cụ chính sách tiền tệ để điều tiết thanh khoản, lãi suất VND hợp lý, tạo điều kiện giữ ổn định tỷ giá cũng như tâm lý thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam có được nguồn cung ngoại tệ khá tốt nhờ xuất siêu và nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Ngoài ra, theo nhận định của FED, trong năm 2019, kinh tế Mỹ chỉ tăng khoảng 2,1%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 3% đạt được trong 2018. Đồng thời FED cũng phát ra tín hiệu sẽ giữ mức lãi suất ổn định trong một khoảng thời gian. Do đó, áp lực tăng tỷ giá VND/USD trong thời gian tới sẽ được giảm bớt.

Dù vậy, trước bối cảnh thị trường quốc tế vẫn diễn biến khó lường, KGM liên tục theo dõi tình hình tỷ giá nhằm đưa ra các quyết định phù hợp, nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh tại thị trường nước ngoài cũng như giảm thiểu các rủi ro cho Công ty.

## RỦI RO PHÁP LUẬT



Pháp luật là một yếu tố chi phối xuyên suốt quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của KGM nói riêng. Bên cạnh các văn bản Luật chi phối chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật Thương mại,... KGM còn phải tuân thủ các văn bản Luật, dưới Luật khác liên quan đến ngành nghề kinh doanh như Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2005; Nghị định số 187/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;...

Trong năm 2018, một số văn bản dưới Luật đã được ban hành và có hiệu lực, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của KGM như: Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, sửa đổi một số Điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định 107/2018/NĐ-CP về Kinh doanh xuất khẩu gạo,...

Do vậy, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được hiệu quả, hoạt động tuân theo các quy định pháp luật, KGM thường xuyên cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để tránh vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của doanh nghiệp.

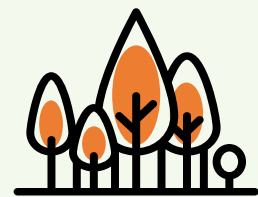
Bảo vệ môi trường là yêu cầu đặt ra cho tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như KGM nói riêng. Trong quá trình hoạt động, việc xử lý các phế phẩm, rác thải cũng như tái sử dụng, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng như thế nào để tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng xung quanh khu vực là một vấn đề được Công ty đặt lên hàng đầu.

Trấu là một phụ phẩm của quá trình xay xát gạo. Nếu không bảo quản, xử lý tốt, bụi trấu có thể gây ô nhiễm không khí tại khu vực nhà máy và khu dân cư lân cận, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động và người dân địa phương. Để khắc phục điều này, khu vực nhà máy phải lắp đặt hệ thống hút bụi, có khu vực để chứa trấu. KGM luôn cố gắng đảm bảo hoạt động của mình không gây ô nhiễm. Công ty xử lý phần trấu sau thu gom bằng cách bán lại cho người thu mua, việc này đem lại cho KGM một khoản thu nhập thêm. KGM cũng thực hiện bảo quản xăng, dầu an toàn, đúng quy định. Bên cạnh đó, các vấn đề như xử lý rác thải, phế phẩm và tái chế, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng cũng được Công ty ưu tiên thực hiện nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động cũng như chất lượng sống của người dân.

Ngoài các rủi ro chính nêu trên, hoạt động của doanh nghiệp còn chịu tác động từ các loại rủi ro khác tuy hiếm xảy ra nhưng có thể để lại hậu quả nghiêm trọng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Trong đó, sự bất ổn từ yếu tố tự nhiên như hạn hán, xâm nhập mặn, cũng như các dịch bệnh trên cây lúa có thể làm giảm sản lượng cũng như chất lượng gạo thu hoạch, từ đó làm ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

Do đó, để giảm thiểu tổn thất từ các yếu tố trên, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm. Trong hoạt động sản xuất, Công ty thực hiện dự báo và tồn trữ gạo hợp lý để giảm ảnh hưởng từ sự biến động của nguyên vật liệu đầu vào.

## RỦI RO MÔI TRƯỜNG

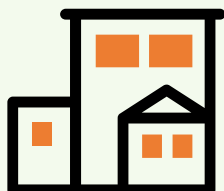


## RỦI RO KHÁC





## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH



### Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Về ngành hàng lương thực, nguyên vật liệu là lúa và gạo xô lứt các loại, được các Xí nghiệp chế biến lương thực trực thuộc thu mua. Giá thu mua thường tăng vào đầu năm do rơi vào cao điểm thu hoạch lúa Đông Xuân, KGM và các doanh nghiệp khác cũng ngành đều tiến hành thu mua với số lượng lớn. Để giải quyết bài toán này, KGM đã tổ chức thu mua bằng nhiều hình thức như bao tiêu cánh đồng lớn cho nông dân, thu mua từ các hộ kinh doanh gia đình, đem lúa, gạo đến bến kho Công ty, tổ chức thu mua từ các địa bàn lân cận chuyển về nhập kho, mua gạo thành phẩm giao ngay từ các doanh nghiệp cùng ngành nhằm tăng nguồn thu đầu vào. KGM cũng trang bị các kho với sức chứa lớn với dây chuyền sản xuất hiện đại. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác tốt, lâu dài với các nhà cung cấp lớn, đặc biệt từ công ty mẹ là Tổng Công ty lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần, đồng thời thường xuyên mở rộng quan hệ hợp tác với các nhà cung cấp mới để có được nguồn nguyên vật liệu ổn định, giá cả hợp lý.

Về cá cơm, nguyên vật liệu là cá cơm tươi hoặc cá cơm khô. Nguồn cung ứng cá cơm chủ yếu là tại vùng biển Kiên Giang, Bình Thuận. Công ty tổ chức thu mua lại của ngư dân, sau đó chuyển về sơ chế bảo quản và chế biến thành cá thành phẩm các loại. Tuy nhiên, hiện nay sản lượng cá cơm tại các ngư trường ngày càng sụt giảm. Theo Viện Nghiên cứu hải sản, trong 10 năm qua, trữ lượng khai thác cá cơm ở vùng biển Tây Nam Bộ đã giảm 20-30%. Cá cơm lại bị tranh mua khiến nguồn nguyên liệu càng khan hiếm. Điều này đặt ra vấn đề đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm được nguồn cung cấp ổn định, uy tín để đảm bảo được nguồn nguyên liệu đầu vào.

### Rủi ro cạnh tranh

KGM phải chịu sức ép cạnh tranh không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn bởi các đối thủ từ các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới như Thái Lan, Ấn Độ, ngoài ra còn có một số nước mới gia nhập vào thị trường như Campuchia, Mi-an-ma, Pakistan,... Ngoài ra, theo quy định mới tại Nghị định 107/2018/NĐ-CP, từ 01/10/2018, hàng loạt điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo sẽ thay đổi, mở ra cơ hội cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường. Bức tranh xuất khẩu gạo Việt Nam báo hiệu nhiều sự cạnh tranh hơn.

Do đó, KGM không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty còn tiến hành phân tích, tìm kiếm thị trường tiềm năng để tăng nguồn khách hàng, hạn chế sự cạnh tranh.



02

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu             | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | % TH 2018/<br>KH 2018 | % TH 2018/<br>TH 2017 |
|----------------------|----------------|---------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu thuần      | 3.199.285      | 3.800.000     | 3.680.657      | 96,86%                | 115,05%               |
| Lợi nhuận từ HĐKD    | 38.040         | -             | 19.630         | -                     | 51,60%                |
| Lợi nhuận khác       | 1.156          | -             | 2.639          | -                     | 228,29%               |
| Lợi nhuận trước thuế | 39.196         | 16.000        | 22.269         | 139,18%               | 56,81%                |
| Lợi nhuận sau thuế   | 30.431         | 12.800        | 16.705         | 130,51%               | 54,89%                |
| Tỉ lệ cổ tức         | 10,00%         | 3,9%          | 4,60%          | 117,95%               | 46,00%                |

#### SẢN LƯỢNG MUA VÀO, BÁN RA CÁC NGÀNH HÀNG

#### ĐỀU ĐẠT KẾ HOẠCH

#### Về tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang – KGM – đã thực hiện tốt công tác quản lý nguyên vật liệu đầu vào cũng như sản xuất, kinh doanh ba ngành hàng của Công ty là lương thực, cá cơm và xăng dầu. Nhờ đó, sản lượng mua vào, bán ra các ngành hàng đều đạt kế hoạch đã đề ra. Điều đó cũng đã góp phần giúp cho lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 16.705 triệu đồng, hoàn thành 130,51% kế hoạch.

Doanh thu thuần đạt 96,86% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do giá bán của mặt hàng lương thực giảm so với kế hoạch. Mặt khác tình hình thị trường giá gạo xuất khẩu năm 2018 giảm so với cùng kỳ 2017.

#### DOANH THU THUẦN

#### BẰNG 115,05% CÙNG KỲ 2017

#### Về tình hình thực hiện so với năm 2017

Doanh thu thuần năm 2018 đạt 3.680.657 triệu đồng, bằng 115,05% so với cùng kỳ năm 2017. Đây là kết quả của việc gia tăng sản lượng tiêu thụ ở cả ba mặt hàng lương thực, cá cơm và xăng dầu. Cụ thể, Công ty bán ra 282.758 tấn gạo, tăng 3,21%; 404 tấn cá cơm, tăng 29,44%; 26.564m<sup>3</sup> xăng dầu, tăng 4,71%.

Giá vốn hàng bán cũng được kiểm soát tốt nên lợi nhuận gộp của Công ty tăng 45.785 triệu đồng. Dù vậy, do trong năm 2018, Công ty thực hiện ủy thác xuất khẩu gạo với sản lượng lớn, chiếm 26,31% tổng sản lượng xuất khẩu, làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng mạnh thêm 42.285 triệu đồng, trong đó bao gồm các chi phí như chi phí ủy thác xuất khẩu, chi phí vận chuyển (phí vận chuyển quốc tế tăng do lượng hàng bán theo hợp đồng xuất khẩu theo giá CFR tăng so với cùng kỳ). Bên cạnh đó, chi phí lãi vay cũng tăng 10.574 triệu đồng chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính sự gia tăng này đã làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 18.410 triệu đồng, dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế của KGM giảm từ 30.431 triệu đồng xuống 16.705 triệu đồng, tương đương 54,89%.

## Tình hình thực hiện trong năm 2018

| Chỉ tiêu               | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | (%) TH/KH 2018 |
|------------------------|---------------|----------------|----------------|
| <b>Mua vào</b>         |               |                |                |
| Lúa gạo, quy gạo (Tấn) | 265.000       | 273.242        | 103,11%        |
| Cá cơm quy tươi (Tấn)  | 1.100         | 1.549          | 140,82%        |
| Xăng dầu các loại (m3) | 25.000        | 25.120         | 100,48%        |
| <b>Bán ra</b>          |               |                |                |
| Lúa gạo, quy gạo (Tấn) | 265.000       | 274.774        | 103,69%        |
| Cá cơm quy tươi (Tấn)  | 300           | 404            | 134,67%        |
| Xăng dầu các loại (m3) | 25.000        | 26.564         | 106,26%        |

## Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục                  | Năm 2017         |                | Năm 2018         |                |
|----------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
|                            | Giá trị          | Tỷ trọng (%)   | Giá trị          | Tỷ trọng (%)   |
| Doanh thu bán thành phẩm   | 2.854.684        | 89,23%         | 3.250.965        | 88,33%         |
| Doanh thu bán hàng hóa     | 341.925          | 10,69%         | 426.874          | 11,60%         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.676            | 0,08%          | 2.818            | 0,08%          |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>3.199.285</b> | <b>100,00%</b> | <b>3.680.657</b> | <b>100,00%</b> |

Cơ cấu doanh thu năm 2018 của KiGiMex không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Doanh thu bán thành phẩm – lương thực và cá cơm chế biến – vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, bằng 88,33%, giảm 0,90% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, doanh thu từ mặt hàng lương thực là 3.220.239 triệu đồng, chủ yếu đến từ doanh thu gạo thành phẩm xuất khẩu. Trong năm, do nhu cầu thị trường yếu cùng với việc các nước xuất khẩu gạo hàng đầu như Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan, Mi-an-ma cạnh tranh gay gắt về giá nên sản lượng gạo xuất khẩu của KGM có sự sụt giảm, đạt 185.145 tấn, bằng 85,46% năm 2017. Mặc khác tình hình tiêu thụ nội địa gạo thành phẩm lại có sự tăng trưởng tốt, tăng từ 44.673 tấn lên 89.436 tấn, tương đương tăng 200,20%. Sản lượng cá cơm xuất khẩu và tiêu thụ nội địa đều tăng, lần lượt tăng 46,36 tấn và 45,56 tấn, đem về cho Công ty 33.544 triệu đồng doanh thu.

Doanh thu bán hàng hóa năm 2018 của KGM là 426.874 triệu đồng, chiếm 11,60% cơ cấu doanh thu thuần. Doanh thu này đến từ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Cả năm, Công ty đã bán 26.564 m<sup>3</sup> xăng, dầu, tăng 4,71% so với năm trước.

Bên cạnh việc kinh doanh các sản phẩm chính, Công ty còn cung cấp các dịch vụ như sấy, xay xát lúa gia công,... Doanh thu của hoạt động này là 2.818 triệu đồng, chiếm 0,08% tổng doanh thu thuần. Mặc dù tỷ trọng này vẫn còn khá khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu nhưng Công ty hiện đang chú trọng để tăng cường phát triển trong tương lai.

## Danh sách Ban điều hành

| Họ và tên                 | Chức vụ                                    |
|---------------------------|--|
| Bà Dương Thị Thanh Nguyệt | Tổng giám đốc (Từ ngày 11/05/2018 đến nay) |
| Ông Phạm Minh Trung       | Phó Tổng giám đốc                          |
| Bà Trần Thị Thu Hương     | Kế toán trưởng                             |

## Những thay đổi trong Ban điều hành

Theo Nghị quyết 51/NQ-HĐQT ngày 09/05/2018 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang:

- “Cho thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đối với ông Bạch Ngọc Văn kể từ ngày 11/05/2018.” (Điều động và bổ nhiệm cán bộ theo Quyết định 39/QĐ-HĐTV ngày 17/04/2018 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.)
- “Bổ nhiệm bà Dương Thị Thanh Nguyệt, phó Tổng giám đốc giữ chức vụ Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kể từ ngày 11/05/2018 thay thế ông Bạch Ngọc Văn được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần.”





## Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

### Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Tổng giám đốc

Năm sinh 1975

Trình độ chuyên môn Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>07/1999 - 04/2001</b>           | Nhân viên Công ty Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang.   |
| <b>05/2001 - 05/2005</b>           | Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| <b>06/2005 - 03/2009</b>           | Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                                 |
| <b>04/2009 - 06/2009</b>           | Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                                       |
| <b>07/2009 - 05/2010</b>           | Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| <b>06/2010 - 03/2015</b>           | Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                                    |
| <b>07/2015 - 06/2016</b>           | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| <b>07/2016 - 09/2016</b>           | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| <b>10/2016 - 10/05/2018</b>        | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                 |
| <b>11/05/2018 đến nay</b>          | Tổng giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                              |
| <b>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</b>  | 101.500 cổ phần, chiếm 0,4% vốn điều lệ.   |
| <b>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</b> | 8.473.920 cổ phần, chiếm 33,32% vốn điều lệ. (đại diện cho Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần) |



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### Ông Phạm Minh Trung – Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh** 19/02/1981

**Trình độ chuyên môn** Đại học Quản trị kinh doanh

#### Quá trình công tác

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| 11/1999 - 12/2006                  | Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| 01/2007 - 11/2008                  | Quyền Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Kiên Long, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                 |
| 12/2008 - 03/2009                  | Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh – Kỹ thuật Đầu tư, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                  |
| 04/2009 - 12/2015                  | Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                      |
| 01/2016 - 06/2016                  | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng .          |
| 07/2016 đến nay                    | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang                 |
| <b>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</b>  | 51.700 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ.   |
| <b>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</b> | 2.118.480 cổ phần, chiếm 8,33% vốn điều lệ. (đại diện cho Tổng công ty lương thực miền Nam – Công ty cổ phần) |



## Bà Trần Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

**Năm sinh** 19/08/1970

**Trình độ chuyên môn** Đại học Tài chính

### Quá trình công tác

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| 03/1992 - 10/1994                  | Kế toán Công ty liên doanh SK1 (Công ty Quốc doanh đánh cá Kiên Giang).                             |
| 10/1994 - 04/1996                  | Kế toán Công ty Quốc doanh đánh cá Kiên Giang   |
| 04/1996 - 06/2006                  | Phó Kế toán trưởng Công ty Quốc doanh đánh cá Kiên Giang.   |
| 08/2006 - 03/2007                  | Kiểm toán nội bộ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang   |
| 04/2007 - 02/2012                  | Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang                            |
| 03/2012 - 06/2012                  | Quyền giám đốc XN kinh doanh xăng dầu An Bình trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang |
| 07/2012 - 06/2016                  | Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang                            |
| 07/2016 - 10/2016                  | Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                            |
| 11/2016 đến nay                    | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang  |
| <b>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</b>  | 2.900 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.   |
| <b>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</b> | 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.  |





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Số lượng cán bộ, công nhân viên (tính đến ngày 31/12/2018)

| STT      | Tiêu chí                                     | Số lượng   | Tỷ trọng       |
|----------|--|------------|----------------|
| <b>A</b> | <b>Theo trình độ lao động</b>                | <b>287</b> | <b>100,00%</b> |
|          | <i>Trình độ đại học và trên đại học</i>      | 90         | 31,36          |
|          | <i>Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp</i>  | 138        | 48,08          |
|          | <i>Trình độ khác</i>                         | 59         | 20,56          |
| <b>B</b> | <b>Theo loại Hợp đồng lao động</b>           | <b>287</b> | <b>100,00%</b> |
|          | <i>Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động</i> | 04         | 1,39%          |
|          | <i>Hợp đồng không thời hạn</i>               | 221        | 77%            |
|          | <i>Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm</i>          | 59         | 20,56          |
|          | <i>Hợp đồng dưới 12 tháng</i>                | 03         | 1,05           |
| <b>C</b> | <b>Theo giới tính</b>                        | <b>287</b> | <b>100,00%</b> |
|          | <i>Nam</i>                                   | 221        | 77%            |
|          | <i>Nữ</i>                                    | 66         | 23%            |

### Thu nhập bình quân

| Chỉ tiêu           | Đơn vị                  | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--------------------|-------------------------|----------|----------|----------|
| Thu nhập bình quân | Triệu đồng/người/ tháng | 6,317    | 8,019    | 7,849    |

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên của KGM tại đến ngày 31/12/2018 là 287 người. Trong đó, phân theo trình độ lao động, chiếm tỷ trọng lớn nhất là Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp.

Thu nhập bình quân của người lao động tại KGM trong năm 2018 là 7,849 triệu đồng/người/tháng bằng 97,88% so với năm 2017.



## Chính sách nhân sự

### Chính sách lương - thưởng

KGM xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên.

### Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

**Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

**Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

**Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý sản xuất kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất sản phẩm,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2017  | Năm 2018  | % tăng, giảm |
|-----------------------------------|-----------|-----------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 1.054.103 | 1.054.781 | 0,06%        |
| Doanh thu thuần                   | 3.199.285 | 3.680.657 | 15,05%       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 38.040    | 19.630    | -48,40%      |
| Lợi nhuận khác                    | 1.156     | 2.639     | 128,29%      |
| Lợi nhuận trước thuế              | 39.196    | 22.269    | -43,19%      |
| Lợi nhuận sau thuế                | 30.431    | 16.705    | -45,11%      |

### Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT      | Chỉ tiêu   | ĐVT  | Năm 2017 | Năm 2018 |
|----------|--|------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                   |      |          |          |
|          | Hệ số thanh toán ngắn hạn                                | Lần  | 1,06     | 1,00     |
|          | Hệ số thanh toán nhanh                                   | Lần  | 0,32     | 0,35     |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                            |      |          |          |
|          | Hệ số nợ/ Tổng tài sản                                   | Lần  | 0,73     | 0,74     |
|          | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                  | Lần  | 2,69     | 2,88     |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                    |      |          |          |
|          | Vòng quay hàng tồn kho                                   | Vòng | 5,83     | 6,46     |
|          | Doanh thu thuần/Tổng tài sản                             | Vòng | 3,16     | 3,49     |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                     |      |          |          |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần                | %    | 0,95%    | 0,45%    |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)           | %    | 11,17%   | 6,00%    |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)             | %    | 3,01%    | 1,58%    |
|          | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 1,12%    | 0,53%    |



## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của KGM có sự biến động tương đối so với năm 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,06 lần trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng 0,03 lần. Điều này là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 1,67% từ 765.157 triệu đồng lên 777.936 triệu đồng, chủ yếu đến từ sự gia tăng khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, trong đó có các khách hàng lớn của Công ty như Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Vinafood) (65.364 triệu đồng), Công ty Louis Dreyfus Asia Pte Ltd (35.484 triệu đồng),... Ngoài ra, do nhu cầu thị trường yếu làm ảnh hưởng đến sản lượng gạo bán ra, Công ty đã giảm trữ lượng hàng tồn kho làm giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2018 giảm 4,39% so với cùng kỳ. Nợ ngắn hạn tăng 7,77%, chủ yếu là do khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng mạnh thêm 114.534 triệu đồng. Đây là công nợ liên quan đến việc KGM ủy thác cho Vinafood thực hiện các hợp đồng xuất khẩu gạo trong năm. Nhìn chung, các hệ số thanh toán của KGM vẫn ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành, khả năng thanh toán của Công ty vẫn được duy trì ổn định.

## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2018 KGM vẫn duy trì cơ cấu vốn không đổi so với năm trước khi tỷ số nợ trên tổng tài sản chỉ tăng từ 0,73 lần lên 0,74 lần. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu do đó cũng tăng từ 2,69 lên 2,88 lần. Nợ vay tăng đến từ việc tăng nợ ngắn hạn, chủ yếu là do tăng ở khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn (như đã phân tích), trong khi đó khoản vay ngắn hạn ngân hàng thương mại của KGM tại thời điểm cuối năm 2018 giảm 77.036 triệu đồng. Nợ dài hạn giảm mạnh 41.739 triệu đồng do Công ty đã thanh toán các khoản phải trả khi cổ phần hóa (38.743 triệu đồng), phải trả cổ tức 06 tháng cuối năm 2016 (3.458 triệu đồng).

## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động của KGM năm 2018 vẫn giữ ổn định và có xu hướng tăng so với năm 2017. Vòng quay hàng tồn kho tăng 5,83 vòng lên 6,46 vòng. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ 3,16 vòng lên 3,49 vòng. Điều này cho thấy công tác quản trị hàng tồn kho cũng như sử dụng tài sản hiệu quả, góp phần làm doanh thu thuần của Công ty đạt 3.680.657 triệu đồng, tăng 15,13% so với năm 2017.

## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của KGM có sự sụt giảm so với năm trước. Năm 2018 doanh thu thuần của Công ty tăng tương đối tốt, bằng 115,13% năm 2017, tuy nhiên như đã phân tích, một số khoản chi phí của Công ty lại tăng như chi phí bán hàng tăng 41.401 triệu đồng đến từ hoạt động ủy thác xuất khẩu, chi phí lãi vay tăng 10.574 triệu đồng chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh,... Đây là nguyên nhân làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế đều giảm so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế giảm 13.725 triệu đồng, tương đương giảm 45,10%, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 16.184 triệu đồng, tương đương giảm 45,19%.





Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành đầu tư, nâng cấp, sửa chữa thêm một số hạng mục như:

- Đầu tư hệ thống 04 máy sortex công suất 20 tấn/giờ, hệ thống băng tải luân chuyển hàng hóa, 08 hệ thống cân đóng bao túi nhỏ.
- Đầu tư các hệ thống băng tải luân chuyển gạo trong kho, giúp tăng khả năng luân chuyển gạo từ kho này sang kho khác, giảm bị động trong khai thác sức chứa kho,
- Tiến hành ghép dây chuyền lau bóng tại Xí nghiệp An Hòa, Xí nghiệp Tân phú làm tăng chất lượng độ bóng cho hạt gạo và nhiều hạng mục khác,...



Mức đầu tư theo kế hoạch cho hoạt động đầu tư – xây dựng cơ bản năm 2018 được duyệt là 28,89 tỷ đồng, cho kế hoạch sửa chữa năm 2018 được duyệt là 6,997 tỷ đồng, tổng cộng là 35,887 tỷ đồng (trong đó bao gồm 32 hạng mục đầu tư mới và 28 hạng mục sửa chữa).

Công tác đầu tư được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và Quy chế quản lý đầu tư của Công ty đã ban hành.

## Cổ phần

|  |                          |
|--|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông                     | 254.300.000.000 cổ phiếu |
| Cổ phiếu ưu đãi                        | 0 cổ phiếu               |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 25.430.000.000 cổ phiếu  |
| Cổ phiếu quỹ                           | 0 cổ phiếu               |
| Mệnh giá                               | 10.000 đồng              |
| Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 0 cổ phiếu               |

## Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

| STT      | Đối tượng                 | Số lượng cổ đông | Số lượng cp nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|----------|---------------------------|------------------|---------------------|-------------------|
| <b>1</b> | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>275</b>       | <b>25.430.000</b>   | <b>100%</b>       |
|          | Tổ Chức                   | 02               | 21.284.800          | 83,7%             |
|          | Cá nhân                   | 273              | 4.145.200           | 16,3%             |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | -                | -                   | -                 |
|          | Tổ chức                   | -                | -                   | -                 |
|          | Cá nhân                   | -                | -                   | -                 |
|          | <b>Tổng</b>               | <b>275</b>       | <b>25.430.000</b>   | <b>100%</b>       |





## Danh sách cổ đông lớn

| Tên tổ chức/ cá nhân                               | Địa chỉ   | Số CMND/<br>Hộ chiếu/<br>ĐKKD | Số lượng<br>cổ phần | Tỷ lệ/<br>VĐL |
|--|---|-------------------------------|---------------------|---------------|
| Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần | 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, Tp. HCM      | 0300613198                    | 21.184.800          | 83,31%        |
| Phan Hùng Minh                                     | 300 Khuôn Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. HCM | 022723978                     | 2.543.000           | 10,00%        |



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

### Các chứng khoán khác

Không có





# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## Quản lý nguồn nguyên liệu

Trong năm 2018, Công ty chi 1.909 tỷ đồng cho nguyên vật liệu thô và nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoảng chi phí này chiếm 77,35 % tổng chi phí của Công ty.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

## Tiêu thụ năng lượng

Xăng dầu và điện năng là 2 nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu của KIGIMEX. Hằng năm, Công ty sử dụng năng lượng từ xăng dầu để phục vụ cho công tác vận chuyển hàng hóa và thành phẩm từ khu thu hoạch đến nhà máy xử lý. Là một doanh nghiệp có kinh doanh xăng dầu, KGM luôn chú trọng việc sử dụng tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu chi phí hằng năm.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất, công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước;
- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Kết quả, trong năm 2018 công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường, được đánh giá tốt qua các cuộc kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng, được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư.

Năm 2018 vừa qua, công ty đã không có hành vi vi phạm và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.





## Chính sách liên quan đến người lao động

Mức lương trung bình 7,849 triệu đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc,...
- Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động nhất là công tác phòng cháy chữa cháy.
- Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2018, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức cho người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà Công ty quan tâm thực hiện và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2018 vừa qua, quá trình khai thác và sản xuất vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, tuy nhiên không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe,... trong phạm vi hoạt động.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện,... đặc biệt trong vùng hoạt động chính của Công ty tại Kiên Giang,...





35%

WWW.

Select

15%

2000.00  
1000.00  
900.00  
800.00  
700.00  
600.00  
500.00  
400.00  
300.00  
200.00  
100.00  
0.00

2500  
2000  
1500  
1000  
500  
0

9000.00  
8000.00  
7000.00  
6000.00  
5000.00  
4000.00  
3000.00  
2000.00  
1000.00  
900.00  
800.00  
700.00  
600.00  
500.00  
400.00  
300.00  
200.00  
100.00  
0.00

100 200 300 400 500 600 700 800 900 1000 1100 1200 1300 1400 1500 1600

# 03

100 200 300 400 500 600 700 800 900 1000 1100 1200 1300 1400 1500

100 200 300 400 500 600 700 800 900 1000 1100 1200 1300 1400 1500



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Đánh giá tình hình chung

Năm 2018, môi trường kinh tế Việt Nam có những yếu tố thuận lợi hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của KiGiMex, bên cạnh đó cũng có một số khó khăn nhất định.

GDP cả nước đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất trong 10 năm vừa qua. Các hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước sau khi có hiệu lực mở ra những cơ hội kinh doanh mới cho các doanh nghiệp nói chung cũng như KGM nói riêng. Mặt khác, sự gia tăng cạnh tranh cùng với những quy định mới trong hoạt động thương mại đặt ra những thách thức cho KGM. Những biến động của nền kinh tế cũng tác động đến chi phí đầu vào cũng như chi phí kinh doanh của Công ty. Về tình hình hoạt động kinh doanh, trong năm, nhờ có sự chuẩn bị trước cùng với mối quan hệ hợp tác tốt với nhà cung cấp, Công ty đã thực hiện dự trữ các nguyên liệu đầu vào đúng như kế hoạch đã đề ra. Tình hình tiêu thụ ở các ngành hàng cũng đạt kết quả tốt, nhận được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài nước. Cụ thể, trong năm Công ty đã gặp một số khó khăn và thuận lợi như sau:

### Khó khăn

- Diễn biến khó lường của khí hậu gây ra những rủi ro đối với ngành nông nghiệp, đặc biệt là với hoạt động trồng lúa nước. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, thoái hóa đất... và việc sử dụng nước của các nước thượng nguồn sông Mê-Kông sẽ làm cho số lượng và chất lượng lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tới có nguy cơ bị giảm sút.
- Các quốc gia nhập khẩu như Indonesia, Malaysia, Senegal,... đang nỗ lực trong việc gia tăng sản xuất để tự túc dần lương thực, hạn chế nhập khẩu và sử dụng sản phẩm thay thế.
- Cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu gạo như: Thái Lan, Ấn Độ, Campuchia,...
- Việc gạo nếp xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc bị áp thuế lên đến 50% dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận thị trường.
- Nhu cầu của người tiêu dùng đòi hỏi sản phẩm chất lượng ngày càng cao.
- Theo quy định mới tại Nghị định 107/2018/NĐ-CP về Kinh doanh Xuất khẩu gạo, từ 01/10/2018, hàng loạt quy định về điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo sẽ thay đổi theo hướng giảm bớt các thủ tục, điều kiện tự xuất khẩu, tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường. Bức tranh xuất khẩu gạo Việt Nam báo hiệu nhiều sự cạnh tranh hơn.



## Thuận lợi

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng cao nhất trong 10 năm. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát, tỷ giá biến động không đáng kể.
- Xu thế toàn cầu hoá, quốc tế hoá tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu, nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA; TTP) đã và đang được đàm phán, ký kết sẽ mở ra nhiều cơ hội kinh doanh, đồng thời Việt Nam sẽ nhận được các công nghệ sản xuất mới từ các nước phát triển, từ đó nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh; sự tái cơ cấu là cơ hội để Công ty tập trung vào ngành nghề chính, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng trưởng, phát triển bền vững, thúc đẩy xuất khẩu.
- Nhiều kỹ thuật canh tác mới được áp dụng, sự cơ giới hoá tạo ra sự phát triển bền vững của quy trình sản xuất lúa, gạo là cơ hội định hướng ngành kinh doanh lúa, gạo trong thời gian tới.
- Với dân số trên 90 triệu người và dự báo sẽ lên đến 100 triệu người vào năm 2020 thị trường nội địa được xem là thị trường rất tiềm năng.
- Vấn đề biến đổi khí hậu tạo cơ hội để Công ty thay đổi tư duy phát triển, tiếp nhận những mô hình và phương thức canh tác mới theo hướng phát thải carbon thấp, bền vững. Bên cạnh đó, các tổ chức còn hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ.
- Điều kiện thời tiết trong năm tương đối thuận lợi hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định và có mức tăng trưởng khá. Năng suất lúa tăng so với năm 2017.
- Biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến nhu cầu lương thực trên thế giới tăng cao. Các nước nhập khẩu gạo lớn như Philippines, Indonesia, Malaysia... không thể tự cân đối lương thực do thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.
- Được sự quan tâm và khuyến khích phát triển của Chính phủ, xuất khẩu gạo Việt Nam đang có cơ hội tiếp cận cũng như gia tăng xuất khẩu ở những thị trường có hiệp định thương mại tự do.
- Với dự án cánh đồng lớn mang đến cơ hội chủ động nguồn nguyên liệu, chất lượng đồng đều. Đồng thời tạo cơ hội cho việc trồng các loại gạo cao cấp, gạo đặc sản phục vụ xuất khẩu ở phân khúc thị trường gạo cao cấp.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong bối cảnh đó, Công ty đã không ngừng nỗ lực, cải tiến hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh, từ đó đạt được một số kết quả tích cực như tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận vượt mức kế hoạch đã đề ra. Cụ thể, trong công tác điều hành quản lý, KGM đã thực hiện được những việc sau:

### Công tác điều hành sản xuất

- ✓ Công tác tổ chức và triển khai chỉ đạo được đẩy mạnh, cập nhật đổi mới và bám sát các mục tiêu đã đặt ra đầu năm. Đánh giá chung về hoạt động điều hành sản xuất được thực hiện khá tốt. Tập thể lãnh đạo và các cán bộ nhân viên trên tinh thần tập trung nội lực, áp dụng một số ý tưởng điều hành sáng tạo, thân thiện, tạo ra các liên kết và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các nhân viên, các đơn vị và toàn Công ty.
- ✓ Quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất, vận dụng các chính sách tiền lương hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần và hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của cá nhân đối với Công ty và cộng đồng. Nhờ vậy, năng suất lao động tại các đơn vị được nâng cao dù áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng cao.
- ✓ Với xu hướng hiện đại hóa, Công ty cũng đã nhanh chóng cập nhật các phiên bản điều hành quản lý tự động, cập nhật các công nghệ đồng bộ, phân cấp quản lý để có thể dễ dàng điều hành các hoạt động cũng như giảm bớt thời gian và công sức trong việc kiểm tra định kỳ hay điều hành sản xuất, nhất là khi Công ty đang dần phát triển và có ý định mở rộng hoạt động kinh doanh, sản xuất như hiện tại.





## Công tác quản lý chất lượng

- ✓ Liên hệ, phối hợp các phòng chức năng với các xí nghiệp trực thuộc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên cơ sở làm việc nhóm, triệt để xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm tăng và giảm thiểu hư hỏng. Tuy nhiên, vẫn chú trọng chất lượng của sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- ✓ Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào được kiểm tra nghiêm ngặt, phân tích và cải tiến chất lượng sản phẩm thông qua số liệu khảo sát, giám sát sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu đã tạo được sự ổn định rất lớn cho khâu gia công bán thành phẩm.
- ✓ Công tác bảo quản, lưu kho sản phẩm luôn được quan tâm và cải tiến liên tục đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn trong tình trạng tốt nhất.

## Công tác đầu tư máy móc, thiết bị

- ✓ Đầu tư các thiết bị chuyên ngành, nâng cấp máy móc và phương tiện vận chuyển.
- ✓ Để đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường, Công ty nhanh chóng áp dụng nhiều giải pháp công nghệ mới, xem xét nhiều đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất.





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Công tác bán hàng

- ✓ Với các mối quan hệ kinh doanh bền chặt cũng như công tác bám sát và nắm bắt thị trường kịp thời, Công ty đã linh hoạt chuyển đổi hướng tiếp cận các khách hàng tiềm năng và đối tác phù hợp để có thể tạo đầu ra sản phẩm trên thị trường quốc tế lẫn trong nước. Thêm vào đó, Công ty hiện đang mở rộng hệ thống phân phối, xây dựng thêm các dự án mới và không ngừng cập nhật xu hướng thị trường.
- ✓ Ngoài ra, kết hợp với nghiệp vụ bốc dỡ và vận chuyển hàng hóa của chính Công ty, việc giao và nhận hàng trở nên đơn giản hơn và chi phí xử lý trở nên thấp hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành phải sử dụng dịch vụ vận chuyển thuê ngoài khi bán hàng hóa.



- ✓ Chiến lược bán hàng của KGM vẫn đang nhắm vào thị trường xuất khẩu đặc biệt là tại các quốc gia khu vực Châu Phi và các quốc gia Đông Nam Á do tiềm năng vẫn còn lớn và tương đối ít đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, Công ty vẫn chú trọng công tác duy trì, củng cố các khách hàng cũ, hoàn thiện các dịch vụ chăm sóc khách hàng, đặc biệt là trong vấn đề khiếu nại sản phẩm.





### Công tác điều hành sản xuất

- ✓ Công ty đã đưa vào vận hành nhiều giải pháp công nghệ, nhiều máy móc loại mới; đây là yếu tố then chốt giúp KGM tiếp tục phát triển một cách bền vững trong môi trường hội nhập quốc tế đòi hỏi công nghệ hóa, hiện đại hóa như hiện nay.
- ✓ Công tác kỹ thuật, sửa chữa khoa học được vận dụng khá hiệu quả, nhất là khi doanh nghiệp chuyên sử dụng máy móc và thiết bị để sản xuất. Công ty đã hạn chế được các lỗi thiết bị, hư hỏng máy móc, đồng thời việc cập nhật, thống kê các hư hỏng và sản phẩm cần thay thế rất nhanh chóng và chủ động hoàn toàn đã giúp quy trình khai thác, sản xuất các mặt hàng được đảm bảo theo đúng kế hoạch.
- ✓ Công tác nghiên cứu, khảo sát các sản phẩm mới, thị trường mới cũng được duy trì và mang lại những kết quả có giá trị ứng dụng để có thể triển khai trong tương lai.

- ✓ Công tác phân tích, đánh giá riêng các mảng hoạt động có thể giúp ngưng khai thác hoặc sản xuất các loại hàng khó phân phối, thay vào đó là đẩy mạnh các sản phẩm tiêu biểu với biên độ lợi nhuận cao; khai thác và sản xuất thông minh khi giảm khối lượng sản xuất nhưng tăng giá trị sản phẩm.



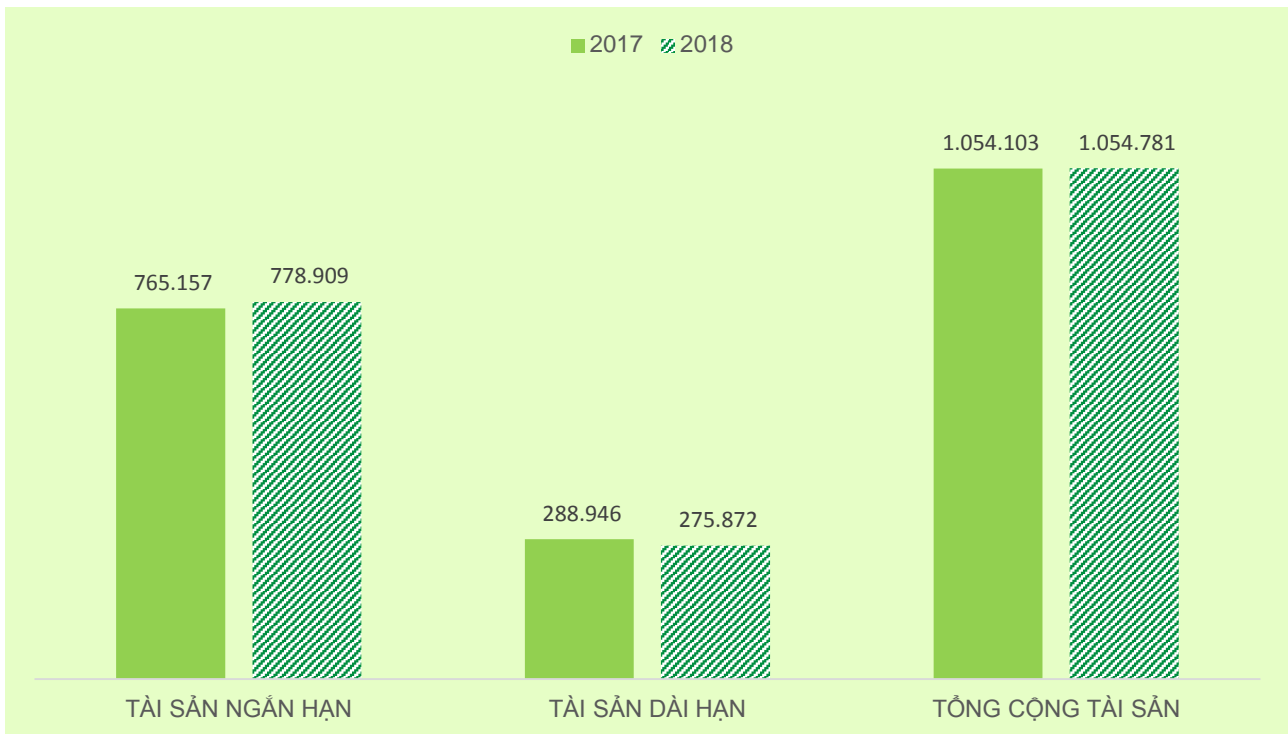
## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT                       | Chỉ tiêu                           | 31/12/2017       |                | 31/12/2018       |                  | %2018/<br>2017 |
|--------------------------|------------------------------------|------------------|----------------|------------------|------------------|----------------|
|                          |                                    | Giá trị          | Tỷ trọng       | Giá trị          | Tỷ trọng         |                |
| <b>A</b>                 | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>765.157</b>   | <b>72,59%</b>  | <b>778.909</b>   | <b>73,85%</b>    | <b>101,80%</b> |
| 1                        | Tiền và các khoản tương đương tiền | 119.072          | 11,30%         | 91.061           | 8,63%            | 76,48%         |
| 2                        | Phải thu ngắn hạn                  | 103.539          | 9,82%          | 158.005          | 14,98%           | 152,60%        |
| 3                        | Hàng tồn kho                       | 532.481          | 50,52%         | 509.131          | 48,27%           | 95,61%         |
| 4                        | Tài sản ngắn hạn khác              | 10.065           | 0,95%          | 20.711           | 1,96%            | 205,77%        |
| <b>B</b>                 | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>288.946</b>   | <b>27,41%</b>  | <b>275.872</b>   | <b>26,15%</b>    | <b>95,48%</b>  |
| 1                        | Phải thu dài hạn                   | 48               | 0,00%          | 48               | 0,00%            | 100,00%        |
| 2                        | Tài sản cố định                    | 245.120          | 23,25%         | 230.386          | 21,84%           | 93,99%         |
| 3                        | Tài sản dở dang dài hạn            | 1.356            | 0,13%          | 1.356            | 0,13%            | 100,00%        |
| 4                        | Tài sản dài hạn khác               | 42.421           | 4,02%          | 44.082           | 4,18%            | 103,92%        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> |                                    | <b>1.054.103</b> | <b>100,00%</b> | <b>1.054.781</b> | <b>1.054.781</b> | <b>100,06%</b> |







Quy mô tài sản năm 2018 của Công ty tăng tương đối so với năm 2017. Tại thời điểm cuối năm 2018, giá trị tài sản ngắn hạn tăng 13.751 triệu đồng, tương đương tăng 1,80% so với cùng kỳ. Điều này làm cho tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tài sản tăng từ 72,59% lên 73,85%. Sự gia tăng này chủ yếu là do khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tăng, trong đó gồm khoản phải thu các khách hàng lớn của Vinafood, Công ty Louis Dreyfus Asia Pte Ltd,... Mặc khác, một số khoản mục lại sụt giảm như các khoản tương đương tiền giảm 20.400 triệu đồng do Công ty triển khai mua hàng vào thời điểm cuối năm nhiều hơn cùng kỳ; hàng tồn kho giảm 23.350 triệu đồng do nhu cầu thị trường yếu, sản lượng gạo xuất khẩu thấp hơn so với kế hoạch nên Công ty giảm trữ lượng tồn kho nguyên vật liệu. Dù vậy khoản mục hàng hóa vẫn tăng 140.005 triệu đồng, chứng tỏ Công ty đã tăng lưu trữ hàng sau khi tình hình tiêu thụ hàng hóa đạt kết quả tốt trong năm 2018.

Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong cơ cấu tài sản và giảm 12.101 triệu đồng so với 2017. Nguyên nhân là do giá trị tài sản cố định hữu hình giảm 14.734 triệu đồng, chủ yếu do Công ty trích hao mòn tài sản cố định 24.271 triệu đồng.

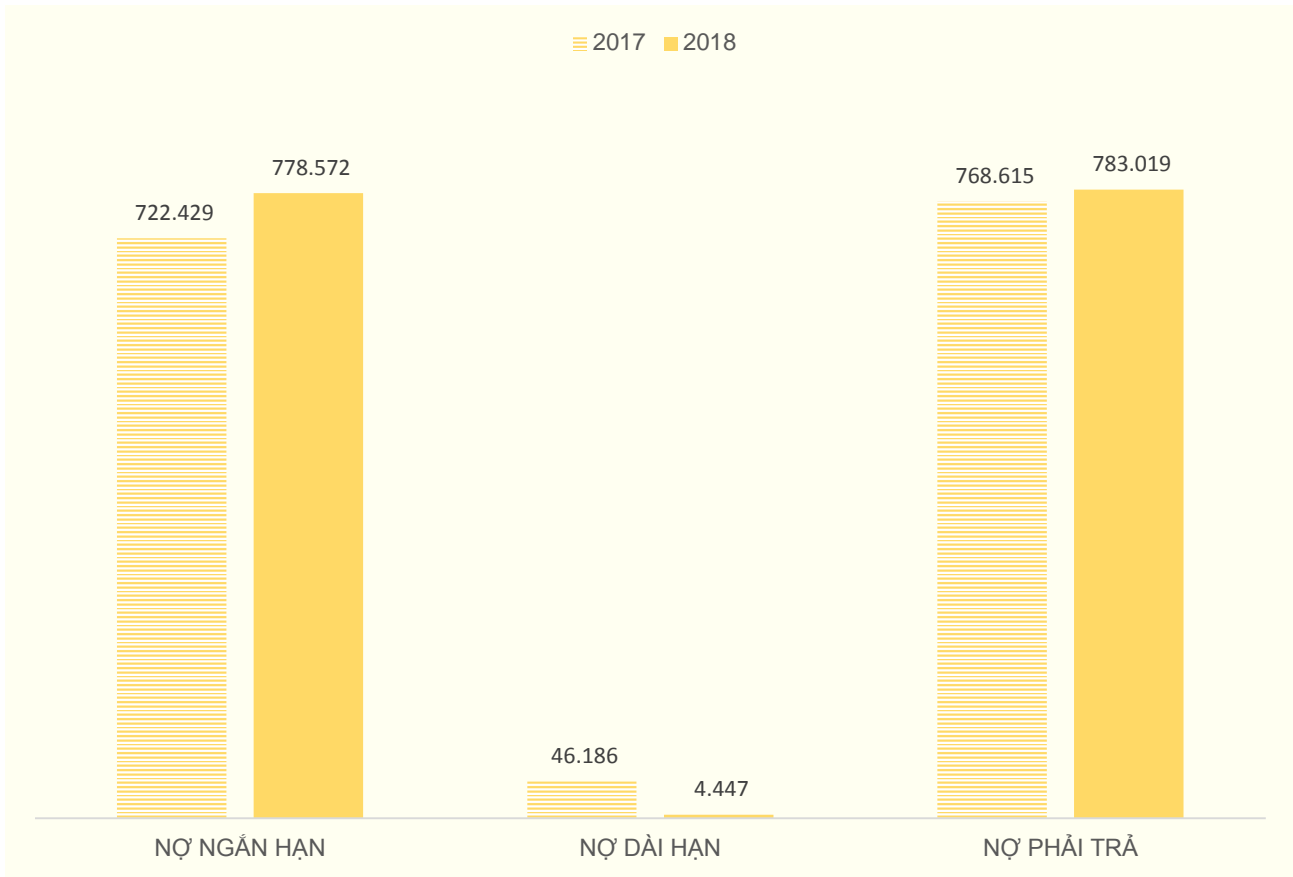


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT                 | Chỉ tiêu                            | 31/12/2017     |                | 31/12/2018     |                | %2018/<br>2017 |
|--------------------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                    |                                     | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị        | Tỷ trọng       |                |
| <b>I</b>           | <b>NỢ NGẮN HẠN</b>                  | <b>722.429</b> | <b>93,99%</b>  | <b>778.572</b> | <b>99,43%</b>  | <b>107,77%</b> |
| 1                  | Phải trả người bán ngắn hạn         | 3.008          | 0,39%          | 32.221         | 4,11%          | 1071,18%       |
| 2                  | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 20.526         | 2,67%          | 134.790        | 17,21%         | 656,68%        |
| 3                  | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 6.266          | 0,82%          | 16             | 0,00%          | 0,26%          |
| 4                  | Phải trả người lao động             | 5.448          | 0,71%          | 6.764          | 0,86%          | 124,16%        |
| 5                  | Chi phí phải trả ngắn hạn           | 9.090          | 1,18%          | 10.134         | 1,29%          | 111,49%        |
| 6                  | Phải trả ngắn hạn khác              | 1.661          | 0,22%          | 913            | 0,12%          | 54,97%         |
| 7                  | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 661.484        | 86,06%         | 584.447        | 74,64%         | 88,35%         |
| 8                  | Dự phòng phải trả ngắn hạn          | 14.178         | 1,84%          | 4.014          | 0,51%          | 28,31%         |
| 9                  | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 768            | 0,10%          | 5.274          | 0,67%          | 686,72%        |
| <b>II</b>          | <b>NỢ DÀI HẠN</b>                   | <b>46.186</b>  | <b>6,01%</b>   | <b>4.447</b>   | <b>0,57%</b>   | <b>9,63%</b>   |
| 1                  | Phải trả dài hạn khác               | 42.201         | 5,49%          | -              | 0,00%          | 0,00%          |
| 2                  | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn    | 3.984          | 0,52%          | 4.447          | 0,57%          | 111,62%        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b> |                                     | <b>768.615</b> | <b>100,00%</b> | <b>783.019</b> | <b>100,00%</b> | <b>101,87%</b> |



Nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ phải trả và có xu hướng tăng lên trong năm 2018. Cụ thể, nợ ngắn hạn của KGM là 778.571 triệu đồng, tăng 7,77% so với năm 2017, chiếm 99,43% giá trị nợ vay. Các khoản nợ ngắn hạn trong năm của Công ty có sự biến động đáng kể. Khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 114.534 triệu đồng, tăng 14,58%; trong khi đó, khoản vay ngắn hạn giảm 77.036 triệu đồng do Công ty thực hiện trả bớt nợ vay trong năm.

Nợ dài hạn giảm mạnh do Công ty đã trả hết khoản nợ về cổ phần hóa trị giá 38.743 triệu đồng và khoản phải trả cổ tức 6 tháng cuối năm 2016 trị giá 3.458 triệu đồng. Nợ dài hạn của KGM tại thời điểm cuối năm 2018 chỉ gồm khoản vay dài hạn 4.447 triệu đồng.





## NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

### Cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý

Sau hai năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần đăng ký giao dịch Upcom, công tác điều hành hoạt động cũng như quản trị công ty của KiGiMex dần đi vào quỹ đạo. Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, điều lệ tổ chức hoạt động công ty dần được hoàn thiện, tạo được nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các phòng nghiệp vụ được phân chia rõ ràng mục đích, hiệu quả, chức năng theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ. Hoạt động trong năm của các phòng được duy trì ổn định và có sự tiến bộ.

Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, Công ty lựa chọn những lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, không có tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho Công ty, KGM cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.

## Cải tiến trong hoạt động kinh doanh

### **Về chiến lược kinh doanh:**

Công ty tập trung ưu tiên kinh doanh mặt hàng gạo chủ lực của mình là gạo thơm, gạo đặc sản. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đánh giá, theo sát xu hướng thị trường, tiến hành mua trước đón đầu để đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng.

### **Sản phẩm mới, thị trường mới:**

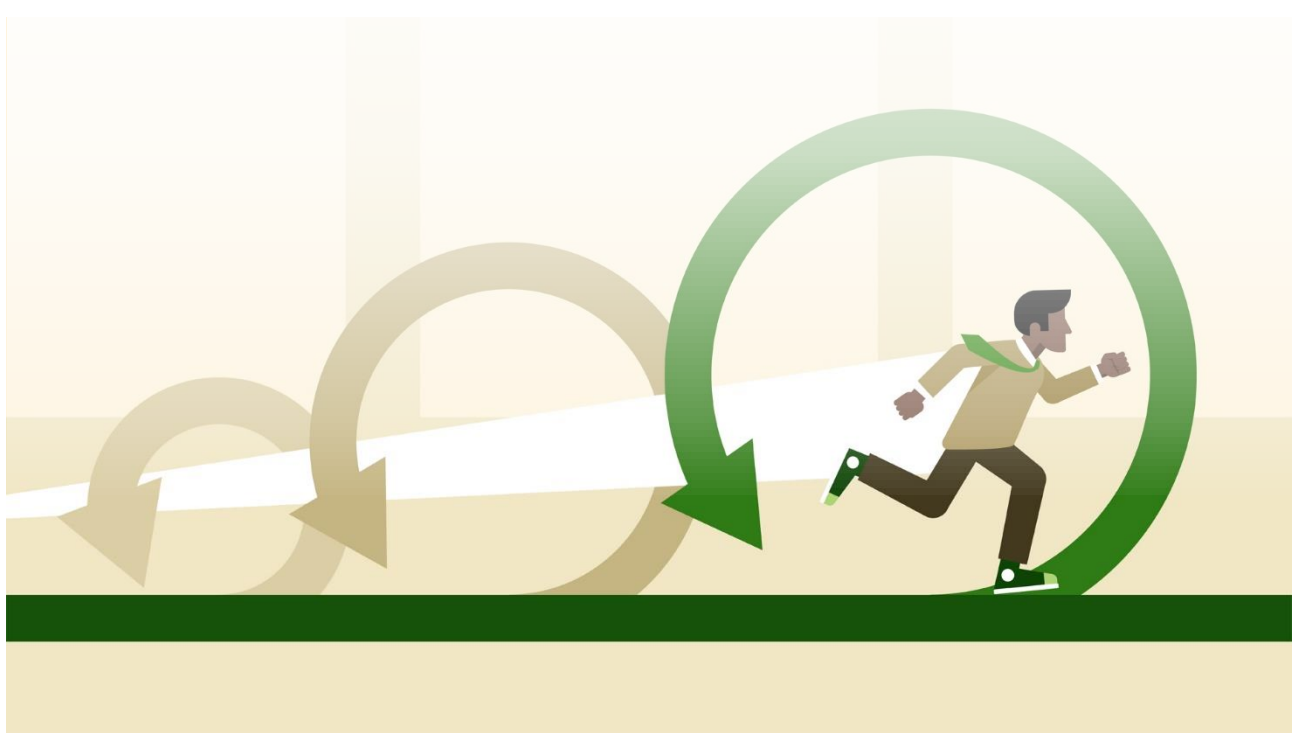
Cùng với nỗ lực xây dựng chính sách nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu cụ thể của từng khách hàng, trong năm, Công ty đã phát triển được mặt hàng gạo mới là gạo đặc sản Japonica (ĐS1), cung cấp cho thị trường mới là Hàn Quốc. Bên cạnh đó Công ty cũng đã bổ sung thêm gạo Đai Thơm 8 vào danh sách các mặt hàng cung ứng của Công ty. Hoạt động tìm kiếm thị trường cũng đạt được kết quả tốt. Trong năm, Công ty đã có thêm một số thị trường và khách hàng mới thị trường Hàn Quốc,...



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dựa trên đánh giá về sự phát triển của thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

| Chỉ tiêu                  | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2019 |
|---------------------------|-------------|-------------------|
| <b>Vốn điều lệ</b>        | Triệu đồng  | 254.300           |
| <b>Sản Lượng</b>          |             |                   |
| - Lương thực              | Tấn         | 270.000           |
| - Cá Cơm                  | Tấn         | 300               |
| - Xăng dầu                | Ngàn lít    | 25.000            |
| <b>Doanh thu thuần</b>    | Triệu đồng  | 3.900.000         |
| - Lương thực              | Triệu đồng  | 3.402.077         |
| - Cá Cơm                  | Triệu đồng  | 26.924            |
| - Xăng dầu                | Triệu đồng  | 470.999           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | Triệu đồng  | 14.240            |
| <b>Tỉ lệ cổ tức</b>       | %           | 4,6% /VDL         |





## Các biện pháp thực hiện kế hoạch theo ngành hàng

### *Hoạt động kinh doanh lương thực*



- \* Thường xuyên nắm bắt thông tin thời vụ, thị trường, xu hướng giá và nhu cầu khách hàng, kiểm tra giám sát tốt trong hoạt động mua bán hàng hóa để phòng tránh rủi ro.
- \* Tăng cường kiểm soát nhằm đảm bảo chất lượng gạo đầu vào đạt đủ tiêu chuẩn và chất lượng theo từng loại thị trường.
- \* Củng cố thị trường hiện hữu, tìm giải pháp mở rộng các thị trường tại các nước phát triển: Hàn Quốc, Nhật, Mỹ,...
- \* Thực hiện tồn kho hợp lý, hạn chế tối thiểu việc tồn dư lâu ngày gây thất thoát, giảm chất lượng sản phẩm.
- \* Công ty thực hiện việc mua bán hàng hóa đảm bảo đúng theo Điều lệ, quy định, quy chế, quy trình hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật.
- \* Nâng cao chất lượng đồng thời nâng cao năng suất hoạt động để tiết kiệm chi phí, từ đó giảm giá thành sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- \* Thường xuyên tổ chức đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng để tìm ra nguồn cung chất lượng.
- \* Thực hiện tốt công tác bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### *Hoạt động chế biến cá Cơm*

- \* Nắm bắt nhanh chóng thông tin về ngư trường từng thời điểm, chủ động điều tàu thu mua khi có cá, cân đối hàng hóa tồn kho.
- \* Lựa chọn cẩn thận nguồn nguyên liệu, hạn chế mua nhảm cá lẫn tạp làm tăng giá thành.
- \* Duy trì mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, có biện pháp hỗ trợ khi cần thiết.
- \* Thực hiện công tác quảng bá và tiếp thị sản phẩm trên thị trường quốc tế và Việt Nam; mở rộng phát triển thị trường trong và ngoài nước.
- \* Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- \* Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

### *Hoạt động kinh doanh xăng dầu*

- \* Theo dõi sát diễn biến thị trường xăng dầu trong nước và thế giới thông qua các kênh thông tin truyền thông cũng như trao đổi với khách hàng.
- \* Giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối; chủ động nguồn hàng kịp thời.
- \* Duy trì nhóm khách hàng hiện tại; song song đó tìm thêm khách hàng tiêu thụ mới.
- \* Phát triển hệ thống phân phối xăng dầu khắp tỉnh Kiên Giang và các vùng phụ cận.
- \* Thực hiện chế độ kiểm tra, xử lý vi phạm các trường hợp gian lận trong công tác đo lường.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Các biện pháp thực hiện kế hoạch theo hoạt động



#### ***Trong công tác bán hàng***

Củng cố và không ngừng phát triển hệ thống kênh phân phối và khách hàng trong nước.

Chú trọng công tác quản lý tiền - hàng, không để phát sinh nợ khó đòi, không để xảy ra tình trạng thất thoát tiền - hàng trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.



#### ***Trong quá trình khai thác và sản xuất hàng hóa***

Thường xuyên áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, đẩy mạnh các chương trình hợp tác với các chuyên gia đầu ngành về công nghệ khai thác khoáng sản và sản xuất hiệu quả.

Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng tạm ngừng sản xuất do hư hỏng thiết bị, phấn đấu tiết giảm chi phí sửa chữa tại các xí nghiệp sản xuất, góp phần giảm chi phí quản lý chung của Công ty.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm tạo ra giá trị gia tăng trong sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



### ***Trong quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh***

Nhanh chóng khắc phục các lỗi máy móc, các chi phí chìm, giảm thiểu chi phí cho các công đoạn điều tra và thực hiện không hiệu quả.

Tăng cường tiết kiệm tất cả các giá trị dư thừa và hư hỏng có thể tránh; linh hoạt sử dụng các công nghệ và máy móc hiện đại giúp giảm thiểu chi phí nhưng vẫn mang lại giá trị cao.

Đề cao và khuyến khích tính tự giác và trách nhiệm đối với công việc của người lao động.



### ***Trong hoạt động xuất khẩu***

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác marketing, chào giá cho khách hàng và tìm kiếm, mở rộng thị trường, khách hàng mới. Chú trọng tập trung mở rộng xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc, Philippines và tiếp cận các thị trường khác mà Công ty chưa có thị phần như Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Bangladesh.

Nắm bắt các thông tin về kinh tế, chính trị, xã hội và các thông tin, chính sách liên quan đến xuất nhập khẩu gạo của các nước xuất khẩu và nhập khẩu gạo. Qua đó dự báo tình hình để có kế hoạch và chiến lược kinh doanh kịp thời và phù hợp.

Thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng. Đáp ứng các yêu cầu hợp lý của khách hàng trong việc đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng. Giải quyết các khiếu nại hợp lý của khách hàng nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi của khách hàng và lợi ích của Công ty.





## BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất ra môi trường tiếp nhận, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải từ quá trình sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh. Hàng năm công ty đều thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo đúng quy định của ngành và cơ quan quản lý.

KGM luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm tạo cho người lao động một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty. KGM luôn đảm bảo các chế độ và chính sách đối với người lao động; tạo điều kiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; thực hiện đánh giá hàng năm để khen thưởng cho các cá nhân và tập thể của các đơn vị trong toàn công ty hoạt động tích cực và hiệu quả cũng như khuyến khích toàn bộ lực lượng lao động cống hiến hết mình và đoàn kết nội bộ để tạo ra sự vững bền cho Công ty.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương mà Công ty đang hoạt động kinh doanh.



04



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Về các mặt hoạt động của Công ty

Về vị thế doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang có trên 40 năm thành lập và phát triển, với hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ và dịch vụ chuyên nghiệp. Công ty cung cấp các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khách hàng trong nước và quốc tế. Trong đó, có những thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc ... Do vậy, thương hiệu KiGiMex ngày càng được khẳng định trên thị trường. Trong quá trình hoạt động, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao.

### Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm vừa qua, môi trường kinh doanh trong và ngoài nước của Công ty có thêm nhiều yếu tố mới với xu hướng cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Các hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước sau khi có hiệu lực mở ra một thị trường lớn hơn, thông thoáng hơn với nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Chính phủ đã đưa ra Nghị định 107/2018/NĐ-CP về Kinh doanh Xuất khẩu gạo, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường.

Dù vậy, với chính sách quản trị đúng đắn của ban lãnh đạo cũng như tinh thần đoàn kết, quyết tâm của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, KGM tiếp tục mở rộng được thị trường tiêu thụ, doanh thu từ các mặt hàng đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, Công ty còn đưa ra thị trường sản phẩm gạo mới là Gạo Đài Thơm 8 và Gạo Japonica (ĐS1), góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.



## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng Giám đốc, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động cũng như trách nhiệm làm việc của Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên duy trì việc giám sát Tổng Giám đốc thông qua kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chất vấn tại các phiên họp; liên tục đồng bộ và triển khai quản lý, chỉ đạo các hoạt động để Ban quản lý Công ty có thể thực hiện sát sao các lộ trình sản xuất và kinh doanh trong năm. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng thống nhất việc chỉ đạo linh hoạt, hợp lý, cho phép các ý kiến chủ động sáng tạo của người điều hành nếu nhận thấy sự hợp lý và giá trị mà các phương pháp đó mang lại.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG

### Kế hoạch sản xuất, kinh doanh

| Chỉ tiêu           | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2019 |
|--------------------|-------------|-------------------|
| Vốn điều lệ        | Triệu đồng  | 254.300           |
| Doanh thu thuần    | Triệu đồng  | 3.900.000         |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng  | 14.240            |
| Tỷ lệ cổ tức       | %           | 4,6%/VĐL          |

### Các biện pháp hoàn thành kế hoạch

#### *Công tác quản trị*

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại;
- Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT; Tăng cường hợp báo, hợp giao ban giữa Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban, các xí nghiệp để trao đổi thông tin và đề ra các kế hoạch và chiến lược kinh doanh hiệu quả.
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.



## Các biện pháp hoàn thành kế hoạch

### Về sản phẩm

Ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Tăng cường đầu tư, nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

### Về thị trường

Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, đấu thầu nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Ưu tiên cho việc phát triển các thị trường truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có chất lượng cao. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế.

### Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ. Đầu tư hệ thống máy tách màu, hệ thống băng tải hạt, kho lạnh,... Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

### Về đầu tư

Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các chi nhánh trực thuộc, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại như hệ thống máy tách màu, băng tải hạt, kho lạnh,... Thông qua đó để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

### Về tài chính

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

### Về nhân lực

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ công tác nhân sự.



05



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên                 | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/<br>Không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|---------------------------|------------|---|--------------------------|-------------------|
| 1  | Ông Đoàn Huỳnh Dũng       | Chủ tịch   | 01/07/2016 đến nay                            | 37                       | 100%              |
| 2  | Bà Dương Thị Thanh Nguyệt | Thành viên | 01/07/2016 đến nay                            | 37                       | 100%              |
| 3  | Ông Bạch Ngọc Văn         | Thành viên | 01/07/2016 đến nay                            | 37                       | 100%              |
| 4  | Ông Phan Hùng Minh        | Thành viên | 01/07/2016 đến nay                            | 37                       | 100%              |
| 5  | Ông Phạm Minh Trung       | Thành viên | 01/07/2016 đến nay                            | 37                       | 100%              |

### Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Trung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Xem lại phần trình bày lý lịch Ban điều hành, trang 33)



| <b>Ông Đoàn Huỳnh Dũng – Chủ tịch HĐQT</b> |  |
|--|--|
| Năm sinh                                   | : 02/01/1963   |
| Nơi sinh                                   | : Rạch Giá, Kiên Giang   |
| Trình độ chuyên môn                        | : Đại học Kinh tế ngoại thương   |
| <b>Quá trình công tác</b>                  |  |
| 09/1985 - 07/2000                          | : Nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| 08/2000 - 01/2003                          | : Phó quản đốc Nhà máy Chế biến gạo Xuất khẩu 1 A, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                      |
| 02/2003 - 05/2005                          | : Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                                  |
| 06/2005 - 01/2006                          | : Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                         |
| 02/2006 - 05/2010                          | : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp.              |
| 06/2010 - 11/2013                          | : Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                         |
| 12/2013 - 06/2016                          | : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| 07/2016 đến nay                            | : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu                 | : 10.000 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ.   |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu                | : 6.355.440 cổ phần, chiếm 24,99% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần). |





## Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

| Ông Phan Hùng Minh – Thành viên HĐQT |   |
|--------------------------------------|---|
| Năm sinh                             | : 04/04/1973  |
| Nơi sinh                             | : Hồ Chí Minh   |
| Quá trình công tác                   |   |
| 1989 - nay                           | : Giám đốc Công ty TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh               |
| 2017 - nay                           | : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu           | : 2.543.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.                 |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu          | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.                          |



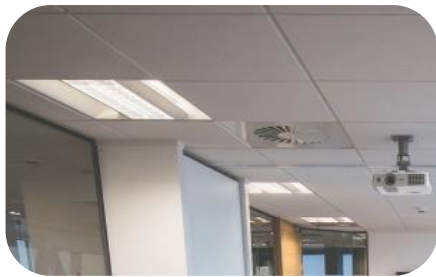
| <b>Ông Bạch Ngọc Văn – Thành viên HĐQT</b> |   |
|--|---|
| Năm sinh                                   | : 28/10/1975  |
| Trình độ chuyên môn                        | : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh   |
| <b>Quá trình công tác</b>                  |   |
| 1997 - 1998                                | : Thực tập viên xuất nhập khẩu, phòng xuất nhập khẩu công ty Rau quả TP. HCM.                                     |
| 1998 - 1999                                | : Nhân viên xuất nhập khẩu, phòng nhập khẩu Trung tâm dụng cụ y khoa quận 1, TP. HCM                              |
| 01/2000 - 03/2000                          | : Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TDS, quân 10, Tp. HCM.   |
| 04/2000 - 05/2000                          | : Nhân viên Chi nhánh TP.HCM thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| 05/2000 - 04/2002                          | : Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                        |
| 05/2002 - 05/2004                          | : Phó phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                              |
| 06/2004 - 12/2005                          | : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                           |
| 01/2005 - 12/2007                          | : Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                  |
| 01/2008 - 06/2010                          | : Phó giám đốc kiêm trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.                       |
| 07/2010 - 03/2011                          | : Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang. |
| 04/2011 - 02/2016                          | : Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| 03/2016 - 06/2016                          | : Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| 07/2016 đến nay                            | : Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                         |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu                 | : 251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ  |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu                | : 2.118.480 cổ phần, chiếm 8,33% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần)    |



## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên             | Chức vụ/Liên quan | Ngày bắt đầu/<br>Không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-----------------------|-------------------|--|-------------------------|-------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Mai Trinh | Trưởng Ban        | 01/07/2016 đến nay                           | 04                      | 100%              |
| 2   | Ông Nguyễn Thanh Sơn  | Kiểm soát viên    | 01/07/2016 đến nay                           | 04                      | 100%              |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Phượng  | Kiểm soát viên    | 01/07/2016 đến nay                           | 04                      | 100%              |





## Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

| <b>Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng BKS</b> |   |
|---|---|
| Năm sinh                                  | : 25/01/1971  |
| Nơi sinh                                  | : Rạch Giá, Kiên Giang  |
| Trình độ chuyên môn                       | : Đại học Kinh tế ngành Tài chính kế toán   |
| Quá trình công tác                        |   |
| 1995 - 04/2001                            | : Nhân viên kế toán trạm Sức khỏe tâm thần Kiên Giang.  |
| 05/2001 - 03/2011                         | : Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                      |
| 04/2011 - 08/2011                         | : Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                  |
| 09/2011 - 06/2016                         | : Kiểm soát viên, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| 07/2016 đến nay                           | : Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu                | : 11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.  |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu               | : 2.118.480 cổ phần, chiếm 8,33% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần). |





## BAN KIỂM SOÁT

### Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

| <b>Ông Nguyễn Thanh Sơn – Kiểm soát viên</b> |   |
|--|---|
| Năm sinh                                     | : 15/06/1974  |
| Nơi sinh                                     | : Ô Môn, thành phố Cần Thơ  |
| Trình độ chuyên môn                          | : Đại học Tài chính kế toán   |
| Quá trình công tác                           |   |
| 02/1998 - 4/2001                             | : Nhân viên Công ty Cơ khí điện máy Kiên Giang.   |
| 05/2001 - 06/2009                            | : Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.  |
| 07/2009 - 06/2010                            | : Q.Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.             |
| 07/2010 - 12/2010                            | : Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.                    |
| 01/2011 - 01/2012                            | : Phó Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.   |
| 02/2012 - 04/2014                            | : Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang. |
| 05/2014 – 03/2015                            | : Q.Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.             |
| 04/2015 – 12/2015                            | : Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.               |
| 01/2016 – 02/2017                            | : Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.       |
| 03/2017 – 01/2019                            | : Phó Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận, thuộc Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.       |
| 02/2019 - đến nay                            | : Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.       |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu                   | : 51.500 cổ phần, chiếm 0,20% vốn điều lệ.  |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu                  | : 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.   |



| <b>Bà Nguyễn Thị Phượng – Kiểm soát viên</b> |   |
|--|---|
| Năm sinh                                     | : 03/03/1983  |
| Nơi sinh                                     | : Bình Định   |
| Trình độ chuyên môn                          | : Đại học Tài chính   |
| Quá trình công tác                           |   |
| 03/2007 - 06/2008                            | : Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH TT Trợ Thính Stella.                 |
| 08/2008 - 08/2009                            | : Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH SX TM Rạng Đông.                     |
| 09/2009 đến nay                              | : Kế toán trưởng, Công ty TNHH SX TM Thảo Minh Châu.                  |
| 07/2016 đến nay                              | : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. |
| Số cổ phiếu cá nhân sở hữu                   | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.                                    |
| Số cổ phiếu đại diện sở hữu                  | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.                                    |







## **BAN KIỂM SOÁT**

### **Hoạt động của Ban kiểm soát**



Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2017.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Không có

### **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty.



## Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

| TT | Họ tên   | Chức vụ                             | Tạm ứng tiền lương năm 2018 | Thù lao năm 2018 |
|----|--|-------------------------------------|-----------------------------|------------------|
| 1  | Ông Đoàn Huỳnh Dũng  | Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)        | 460.800.000                 |                  |
| 2  | Ông Bạch Ngọc Văn<br>(Từ 01/01/2018 đến 10/5/2018)         | UV HĐQT kiêm Tổng giám đốc          | 128.490.323                 | 25.000.000       |
|    | Ông Bạch Ngọc Văn<br>(Từ 11/05/2018 đến nay)               | UV HĐQT không chuyên trách          |                             | 35.000.000       |
| 3  | Bà Dương Thị Thanh Nguyệt<br>(Từ 11/05/2018 đến nay)       | UV HĐQT kiêm Tổng giám đốc          | 335.819.355                 | 35.000.000       |
|    | Bà Dương Thị Thanh Nguyệt<br>(Từ 01/01/2018 đến 10/5/2018) | UV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc      | 90.000.000                  | 25.000.000       |
| 4  | Ông Phạm Minh Trung  | UV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc      | 334.400.000                 | 60.000.000       |
| 5  | Ông Phan Hùng Minh   | Ủy viên HĐQT (không chuyên trách)   |                             | 60.000.000       |
| 6  | Bà Trần Thị Mai Trinh                                      | Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách) | 337.600.000                 |                  |
| 7  | Ông Nguyễn Thanh Sơn                                       | Thành viên BKS (không chuyên trách) |                             | 36.000.000       |
| 8  | Bà Nguyễn Thị Phượng                                       | Thành viên BKS (không chuyên trách) |                             | 36.000.000       |
| 9  | Bà Trần Thị Thu Hương                                      | Kế toán trưởng Cty                  | 279.200.000                 |                  |





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Hợp đồng/ Giao dịch với bên liên quan

#### Hợp đồng bán gạo với doanh nghiệp có liên quan

| STT       | Tên doanh nghiệp                                       | Tên hàng                          | Giá trị thực hiện hợp đồng |
|-----------|--|-----------------------------------|----------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Bán nội địa (VNĐ)</b>                               |                                   | <b>59.559.165.000</b>      |
| 1         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (VNĐ)                     | Gạo thành phẩm 05%                | 4.651.395.000              |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (VNĐ)                     | Gạo thành phẩm 15%                | 4.502.827.500              |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (VNĐ)                     | Gạo thành phẩm 25%                | 36.012.562.500             |
| 2         | CN Cty TNHH MTV Tổng Cty Lương Thực Miền Nam- Thốt Nốt | Gạo thành phẩm Đài thơm 8 05% tằm | 5.200.380.000              |
| 3         | Chi Nhánh Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh                 | Gạo thành phẩm 100% tằm thơm      | 3.830.000.000              |
| 4         | Chi Nhánh Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh                 | Gạo thành phẩm 100% tằm thơm      | 5.362.000.000              |
| <b>II</b> | <b>Bán ủy thác ( USD)</b>                              |                                   | <b>36.372.303</b>          |
| 1         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 05%                | 400.596                    |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 05% KDM            | 2.421.788                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo TP JM Yasmina 05% (90 TC)     | 1.787.099                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 100% tằm thơm      | 54.904                     |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 05% Jasmine        | 397.426                    |
| 2         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 05%                | 435.938                    |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 05% Jasmine        | 6.431.500                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 05% KDM            | 3.517.375                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo TP JM Yasmina 05% (90 TC)     | 2.848.985                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD)        | Gạo thành phẩm 100% tằm thơm      | 542.000                    |



| STT       | Tên khách hàng                                  | Tên hàng                      | Giá trị thực hiện hợp đồng |
|-----------|---|-------------------------------|----------------------------|
| <b>II</b> | <b>Bán ủy thác ( USD)</b>                       |                               |                            |
| 3         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo thành phẩm 100% tằm thơm  | 141.500                    |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo thành phẩm 05%            | 101.450                    |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo thành phẩm 05% Jasmine    | 6.383.287                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo thành phẩm 05% KDM        | 3.476.250                  |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo TP JM Yasmina 05% (90 TC) | 1.908.427                  |
| 4         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Tằm thơm                      |                            |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo Jasmine 5% tằm            |                            |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo KDM 5% tằm                |                            |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (Hàng ủy thác USD) | Gạo Jasmine Yasmina 5% tằm    |                            |
| 5         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (USD)              | Gạo thành phẩm 05%            | 63.856                     |
|           | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (USD)              | Gạo thành phẩm 15%            | 779.618                    |
| 6         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (USD)              | Gạo thành phẩm 15%            | 1.263.000                  |
| 7         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (USD)              | Gạo thành phẩm 15%            | 674.821                    |
| 8         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (USD)              | Gạo TP 15% tằm                | 758.417                    |
| 9         | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (USD)              | Gạo thành phẩm 25%            | 512.117                    |
| 10        | Công Ty TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh              | Gạo TP 15% tằm                | 1.471.950                  |



## Hợp đồng/ Giao dịch với bên liên quan

Hợp đồng mua gạo – bao bì với doanh nghiệp có liên quan

| STT      | Tên doanh nghiệp                       | Tên hàng                            | Giá trị thực hiện hợp đồng |
|----------|--|-------------------------------------|----------------------------|
| <b>A</b> | <b>HỢP ĐỒNG MUA GẠO</b>                |                                     | <b>722.466.619.625</b>     |
| <b>1</b> | <b>CN Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh</b> | <b>Gạo thành phẩm 100% tằm thơm</b> | <b>9.672.000.000</b>       |
| <b>2</b> | <b>Cty Lương Thực Đồng Tháp</b>        |                                     | <b>94.475.700.000</b>      |
|          | Cty Lương Thực Đồng Tháp               | Gạo thành phẩm 05%                  | 8.550.000.000              |
|          | Cty Lương Thực Đồng Tháp               | Gạo thành phẩm 15%                  | 25.050.000.000             |
|          | Cty Lương Thực Đồng Tháp               | Gạo thành phẩm 05%                  | 17.100.000.000             |
|          | Cty Lương Thực Đồng Tháp               | Gạo thành phẩm 05%                  | 8.595.700.000              |
|          | Cty Lương Thực Đồng Tháp               | Gạo thành phẩm 15%                  | 25.650.000.000             |
|          | Cty Lương Thực Đồng Tháp               | Gạo TP OM5451 5% tằm                | 9.530.000.000              |
| <b>3</b> | <b>Cty Lương Thực Sông Hậu</b>         | <b>Gạo thành phẩm 15%</b>           | <b>45.697.380.750</b>      |
| <b>4</b> | <b>Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh</b>    |                                     | <b>418.649.991.050</b>     |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 15%                  | 5.322.628.800              |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% OM 5451          | 24.511.029.250             |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% Jasmine          | 24.340.280.750             |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% KDM              | 67.327.000.000             |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% Jasmine          | 35.727.224.500             |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% KDM              | 45.422.500.000             |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% Jasmine          | 112.566.404.000            |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo TP JM Yasmina 05% (90 TC)       | 4.779.186.750              |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 100% tằm thơm        | 1.503.180.500              |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% Jasmine          | 60.419.660.000             |
|          | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh           | Gạo thành phẩm 05% KDM              | 36.730.896.500             |



| STT      | Tên doanh nghiệp liên quan                | Tên hàng               | Giá trị thực hiện hợp đồng |
|----------|---|------------------------|----------------------------|
| <b>A</b> | <b>HỢP ĐỒNG MUA GẠO</b>                   |                        |                            |
| <b>5</b> | <b>Cty TNHH SX TM Thảo Minh Châu</b>      |                        | <b>33.269.351.375</b>      |
|          | Cty TNHH SX TM Thảo Minh Châu             | Gạo thành phẩm 05% KDM | 29.457.176.375             |
|          | Cty TNHH SX TM Thảo Minh Châu             | Gạo thành phẩm 15%     | 1.257.925.000              |
|          | Cty TNHH SX TM Thảo Minh Châu             | Gạo thành phẩm 05%     | 1.295.906.250              |
|          | Cty TNHH SX TM Thảo Minh Châu             | Gạo thành phẩm 15%     | 1.258.343.750              |
| <b>6</b> | <b>Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (VND)</b> |                        | <b>120.702.196.450</b>     |
|          | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (VND)        | Gạo thành phẩm 05%     | 38.551.950.000             |
|          | Tổng Cty Lương Thực Miền Nam (VND)        | Gạo thành phẩm 15%     | 82.150.246.450             |
| <b>B</b> | <b>HỢP ĐỒNG BAO BÌ</b>                    |                        | <b>90.941.918.914</b>      |
| 1        | Cty Lương Thực Sông Hậu                   |                        | 652.163.050                |
| 2        | Cty Lương thực Trà Vinh                   |                        | 235.580.400                |
| 3        | Cty TNHH ĐTSX-TMDV Phan Minh              |                        | 87.387.506.564             |
| 4        | DNTN Tân Tuấn Lộc - Bình Chánh - TPHCM    |                        | 2.666.668.900              |



06



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                           |          |
|---------------------------|----------|
| Ông Đoàn Huỳnh Dũng       | Chủ tịch |
| Ông Bạch Ngọc Văn         | Ủy viên  |
| Ông Phạm Minh Trung       | Ủy viên  |
| Bà Dương Thị Thanh Nguyệt | Ủy viên  |
| Ông Phan Hùng Minh        | Ủy viên  |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                           |                   |                              |
|---------------------------|-------------------|------------------------------|
| Bà Dương Thị Thanh Nguyệt | Tổng Giám đốc     | (Bổ nhiệm ngày 11/05/2018)   |
|                           | Phó Tổng Giám đốc | (Miễn nhiệm ngày 11/05/2018) |
| Ông Bạch Ngọc Văn         | Tổng Giám đốc     | (Miễn nhiệm ngày 11/05/2018) |
| Ông Phạm Minh Trung       | Phó Tổng Giám đốc |                              |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Bà Trần Thị Mai Trinh | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Thanh Sơn  | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Phượng  | Thành viên |

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Kiên Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

**Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



Dương Thị Thanh Nguyệt





Số: 1003.19.001/BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 31/12/2018               | 01/01/2018               |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       |  |             | VND                      | VND                      |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>778.908.689.753</b>   | <b>765.157.415.358</b>   |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>03</b>   | <b>91.060.781.954</b>    | <b>119.072.412.496</b>   |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 87.560.781.954           | 95.172.412.496           |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 3.500.000.000            | 23.900.000.000           |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>158.005.450.719</b>   | <b>103.538.947.453</b>   |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 04          | 135.144.854.943          | 90.166.631.302           |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 05          | 21.470.950.169           | 12.102.102.541           |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 06          | 7.930.535.467            | 7.349.839.334            |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        |             | (6.540.889.860)          | (6.079.625.724)          |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>08</b>   | <b>509.131.070.114</b>   | <b>532.481.059.741</b>   |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              |             | 527.764.176.899          | 532.481.059.741          |
| 149   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            |             | (18.633.106.785)         | -                        |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>20.711.386.966</b>    | <b>10.064.995.668</b>    |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 12          | 3.318.992.069            | 819.093.175              |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 15.901.244.876           | 9.245.902.493            |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 16          | 1.491.150.021            | -                        |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>275.872.095.395</b>   | <b>288.945.608.725</b>   |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>48.000.000</b>        | <b>48.000.000</b>        |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                     | 06          | 48.000.000               | 48.000.000               |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>230.385.561.484</b>   | <b>245.119.756.923</b>   |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 10          | 216.536.326.484          | 231.270.521.923          |
| 222   | - Nguyên giá                                 |             | 445.218.343.113          | 435.680.897.892          |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (228.682.016.629)        | (204.410.375.969)        |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 11          | 13.849.235.000           | 13.849.235.000           |
| 228   | - Nguyên giá                                 |             | 13.849.235.000           | 13.849.235.000           |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | -                        | -                        |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           |             | <b>1.356.388.307</b>     | <b>1.356.388.307</b>     |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 09          | 1.356.388.307            | 1.356.388.307            |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |             | <b>44.082.145.604</b>    | <b>42.421.463.495</b>    |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 12          | 44.082.145.604           | 42.421.463.495           |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>1.054.780.785.148</b> | <b>1.054.103.024.083</b> |



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN                                 | Thuyết minh | 31/12/2018               | 01/01/2018               |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       |   |             | VND                      | VND                      |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                     |             | <b>783.018.530.711</b>   | <b>768.614.784.869</b>   |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                     |             | <b>778.571.853.129</b>   | <b>722.429.177.993</b>   |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn            | 14          | 32.221.010.568           | 3.008.437.796            |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn      | 15          | 134.789.776.328          | 20.526.054.194           |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước    | 16          | 15.632.190               | 6.266.304.423            |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                |             | 6.763.784.773            | 5.447.505.828            |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn              | 17          | 10.133.706.334           | 9.089.900.718            |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                 | 18          | 912.699.339              | 1.661.059.847            |
| 320   | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn      | 13          | 584.447.302.090          | 661.483.664.300          |
| 321   | 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn             | 19          | 4.013.530.000            | 14.178.350.000           |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi               |             | 5.274.411.507            | 767.900.887              |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                     |             | <b>4.446.677.582</b>     | <b>46.185.606.876</b>    |
| 337   | 1. Phải trả dài hạn khác                  | 18          | -                        | 42.201.228.794           |
| 338   | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn       | 13          | 4.446.677.582            | 3.984.378.082            |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                  |             | <b>271.762.254.437</b>   | <b>285.488.239.214</b>   |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                  | 20          | <b>271.762.254.437</b>   | <b>285.488.239.214</b>   |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                 |             | 254.300.000.000          | 254.300.000.000          |
| 411a  | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết    |             | 254.300.000.000          | 254.300.000.000          |
| 418   | 2. Quỹ đầu tư phát triển                  |             | 756.882.794              | 756.882.794              |
| 421   | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối      |             | 16.705.371.643           | 30.431.356.420           |
| 421b  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay |             | 16.705.371.643           | 30.431.356.420           |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                |             | <b>1.054.780.785.148</b> | <b>1.054.103.024.083</b> |

Người lập

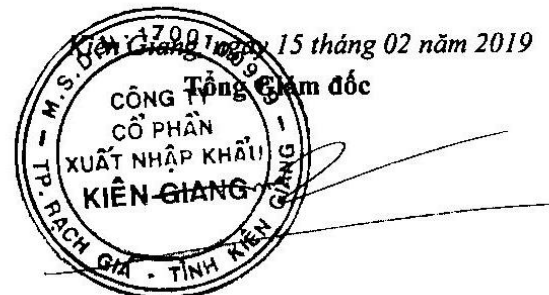


Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hương



Dương Thị Thanh Nguyệt



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2018

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2018              | Năm 2017               |
|-------|--|-------------|-----------------------|------------------------|
|       |  |             | VND                   | (Đã điều chỉnh)<br>VND |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 22          | 3.681.473.959.762     | 3.199.284.536.621      |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 23          | 816.881.693           | -                      |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 3.680.657.078.069     | 3.199.284.536.621      |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 24          | 3.364.199.350.580     | 2.928.611.555.970      |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 316.457.727.489       | 270.672.980.651        |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 25          | 7.859.390.896         | 10.659.175.728         |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             | 26          | 59.001.934.441        | 44.277.129.105         |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | 35.206.680.758        | 24.632.555.240         |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              | 27          | 203.278.110.920       | 160.992.618.918        |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 28          | 42.407.544.960        | 38.022.537.321         |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | 19.629.528.064        | 38.039.871.035         |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 29          | 3.378.720.107         | 1.230.559.246          |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 30          | 739.279.010           | 74.610.817             |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 2.639.441.097         | 1.155.948.429          |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 22.268.969.161        | 39.195.819.464         |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 31          | 5.563.597.518         | 8.764.463.044          |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | <u>16.705.371.643</u> | <u>30.431.356.420</u>  |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 32          | 657                   | 1.197                  |

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hương



Dương Thị Thanh Nguyệt

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2018                 | Năm 2017                 |
|--|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|  |  |             | VND                      | (Đã điều chỉnh)<br>VND   |
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                          |                          |
| 01   | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                  |             | 3.819.836.693.410        | 3.211.053.558.692        |
| 02   | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                       |             | (3.616.907.190.217)      | (3.345.898.375.877)      |
| 03   | 3. Tiền chi trả cho người lao động   |             | (25.751.414.879)         | (27.766.284.388)         |
| 04   | 4. Tiền lãi vay đã trả   |             | (35.925.648.563)         | (24.085.164.791)         |
| 05   | 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   |             | (13.145.680.188)         | (3.220.053.982)          |
| 06   | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                     |             | 14.635.393.878           | 26.697.933.527           |
| 07   | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                    |             | (54.307.495.144)         | (21.114.475.257)         |
| 20   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                         |             | <b>88.434.658.297</b>    | <b>(184.332.862.076)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                          |                          |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác |             | (11.793.911.441)         | (9.414.275.531)          |
| 27   | 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                       |             | 513.549.168              | 1.089.908.698            |
| 30   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                             |             | <b>(11.280.362.273)</b>  | <b>(8.324.366.833)</b>   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                          |                          |
| 33   | 1. Tiền thu từ đi vay  |             | 2.824.882.377.151        | 2.564.841.214.067        |
| 34   | 2. Tiền trả nợ gốc vay   |             | (2.901.013.539.861)      | (2.403.167.709.855)      |
| 36   | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                   |             | (28.888.480.000)         | -                        |
| 40   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                          |             | <b>(105.019.642.710)</b> | <b>161.673.504.212</b>   |
| 50   | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                       |             | <b>(27.865.346.686)</b>  | <b>(30.983.724.697)</b>  |
| 60   | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                      |             | <b>119.072.412.496</b>   | <b>150.025.784.150</b>   |
| 61   | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                      |             | (146.283.856)            | 30.353.043               |
| 70   | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                     | <b>03</b>   | <b>91.060.781.954</b>    | <b>119.072.412.496</b>   |

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hương



ngày 15 tháng 02 năm 2019  
Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được lưu trữ tại website của Công ty theo đường link:  
<http://www.kigimex.com.vn/modules.php?name=quanhecodong&newlang=vietnamese>

Kiên Giang, ngày ..01.. tháng ...4... năm 2019..

Người đại diện theo pháp luật,



*Dương Thị Thanh Nguyệt*